

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2006 khép lại với nhiều sự kiện mang ý nghĩa hết sức to lớn đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành tài chính ngân hàng nói riêng. Nổi bật hơn cả, sự kiện Việt Nam kết thúc hơn 15 năm đàm phán để chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới – WTO đã thu hút được sự quan tâm không chỉ của cả nước mà còn của cả thế giới. Với sự kiện này, Việt Nam đang đứng trước một cơ hội và thách thức mới trong công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế theo xu thế hội nhập toàn cầu, mà trong đó cạnh tranh là một áp lực lớn. Thật vậy, việc thực thi nguyên tắc đối xử quốc gia và quy chế tối huệ quốc của WTO buộc các ngành sản xuất trong nước mà trong đó có ngành ngân hàng phải ra sức củng cố năng lực cạnh tranh để có thể đứng vững trước sức ép cạnh tranh toàn cầu.

Ý thức sâu sắc về vấn đề này, các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt khối ngân hàng TMCP cần phải nỗ lực nhiều hơn mà trong đó yếu tố năng lực cạnh tranh được đặt lên hàng đầu, việc đầu tư nâng cao năng lực tài chính, cải tiến công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, mở rộng mạng lưới kinh doanh là các vấn đề cốt lõi đáng quan tâm. Không nằm ngoài xu thế tất yếu đó, Ngân hàng TMCP Nam Việt buộc phải tận dụng tối đa mọi nguồn lực để vừa có thể đáp ứng yêu cầu tăng trưởng nhanh đồng thời cũng phải đảm bảo được tính bền vững cho quá trình tăng trưởng. Kết thúc năm tài chính 2006, sau một chặng đường dài thực hiện công tác chuyển đổi mô hình hoạt động, hàng loạt những chỉ tiêu tài chính như tổng tài sản, chất lượng tài sản có, nguồn huy động, dư nợ, lợi nhuận,... của Ngân hàng đã phản ánh khá rõ nét sự tăng trưởng và tính ổn định trong mọi hoạt động nghiệp vụ. Quan trọng hơn, với việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế vào công tác quản trị điều hành và đặc biệt là vào công tác quản trị rủi ro, toàn bộ các hoạt

động của Ngân hàng đều được kiểm soát một cách tự động nhờ vào việc triển khai chương trình điện toán hiện đại – Core Banking. Những thành quả bước đầu này được chúng tôi ghi nhận bằng tất cả niềm tự hào, bằng tất cả niềm tin vào những thành công trên con đường phía trước.

Nối tiếp những thành quả bước đầu, mục tiêu chiến lược của toàn hệ thống Ngân hàng TMCP Nam Việt trong thời gian sắp tới sẽ là khẳng định thương hiệu của một ngân hàng thương mại bán lẻ chuẩn mực hàng đầu Việt Nam, hoạt động đa năng với sản phẩm đa dạng, chất lượng dịch vụ cao, mạng lưới kênh phân phối rộng dựa trên nền tảng mô hình tổ chức và quản lý theo chuẩn mực quốc tế, công nghệ thông tin hiện đại, công nghệ ngân hàng tiên tiến. Với sức mạnh nội lực được tích tụ và phát triển qua nhiều năm hoạt động cùng tinh thần quyết tâm của tập thể lãnh đạo và cán bộ nhân

viên, chúng tôi tự tin có thể vượt qua mọi thách thức, kể cả sức ép cạnh tranh quốc tế để trở thành ngân hàng bán lẻ chuẩn mực hàng đầu Việt Nam.

Thay mặt Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Nam Việt, tôi xin chân thành gửi lời cảm ơn vì sự quan tâm giúp đỡ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cùng các cơ quan chính quyền địa phương các cấp đã dành cho chúng tôi trong suốt thời gian qua. Riêng đối với Quý khách hàng, chúng tôi xin được đặc biệt tri ân những đóng góp quý báu của Quý vị vào sự phát triển Ngân hàng. Chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ từ các cấp chính quyền, các cơ quan quản lý, các cổ đông và Quý khách hàng trong thời gian tới.

Trân trọng kính chào.

Chủ tịch HĐQT
Ngân hàng TMCP Nam Việt

NGUYỄN VĨNH THO

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH



MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU NĂM 2006

Số liệu đến ngày: 31/12/2006

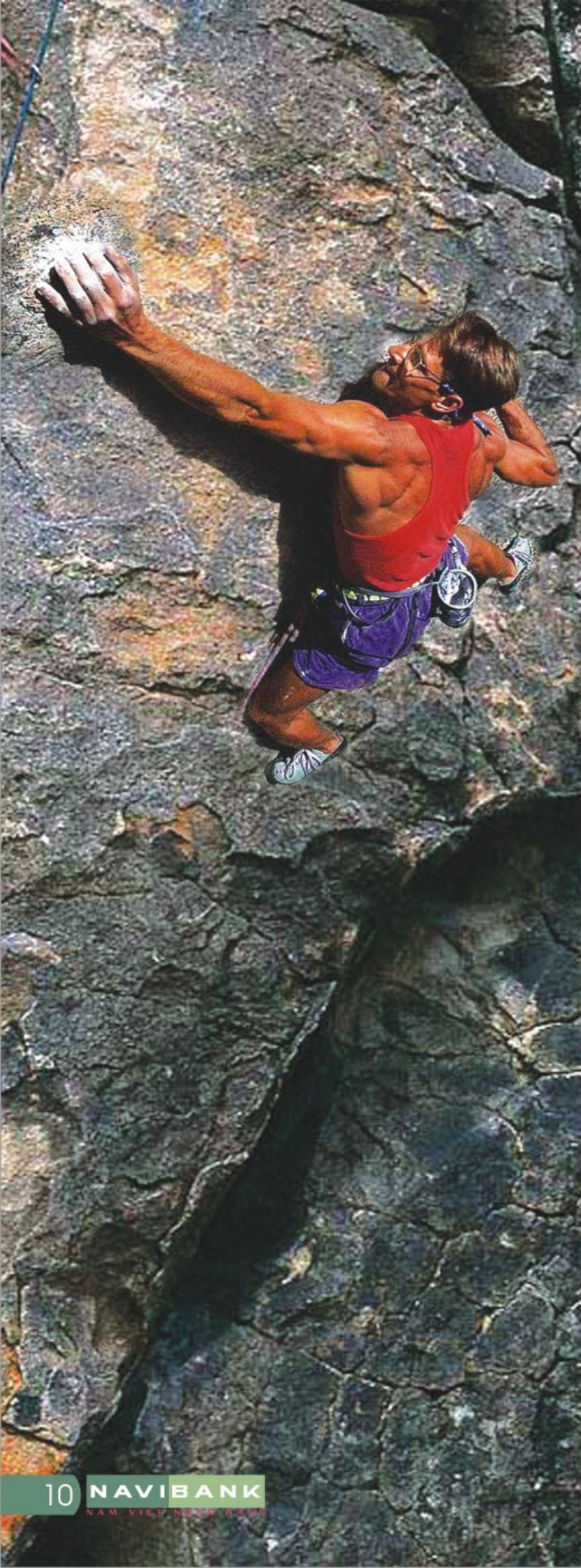
Đơn vị tính: triệu Đồng

STT	CHỈ TIÊU	TH2005	TH2006	TH2006 sv TH2005
A TỔNG TÀI SẢN				
1	Tổng tài sản	144,861	1,126,545	777.67%
2	Tài sản có sinh lời	107,545	918,142	853.73%
3	TSCSL/TTS	73.90%	81.50%	
B NGUỒN VỐN				
1	Nguồn vốn huy động	40,415	550,018	1360.93%
2	Cơ cấu huy động vốn			
	■ Dân cư & Tổ chức kinh tế	88.30%	99.97%	
	■ Trung dài hạn	38.32%	22.47%	
3	Vốn	100,000	500,000	500.00%
4	Các quỹ	56	309	551.79%
C SỬ DỤNG VỐN				
1	Dự trữ sơ cấp	3,997	192,802	4823.67%
2	Góp vốn, liên doanh, mua cổ phần	19,977	98,591	493.52%
3	Cho vay	83,592	354,255	423.79%
4	Cơ cấu cho vay			
	■ Cá nhân & Tổ chức kinh tế	76.07%	100.00%	
	■ Trung dài hạn	31.70%	35.92%	
5	Nợ xấu	2,787	3,691	132.44%
	Tỷ lệ nợ xấu	3.33%	1.04%	
6	Tài sản cố định	3,902	20,871	534.88%
7	Tài sản có khác	33,754	212,315	629.01%

Đơn vị tính: triệu Đồng

STT	CHỈ TIÊU	TH2005	TH2006	TH2006 sV TH2005
D KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1	Thu từ lãi	10,384	42,569	409.95%
	Thu ngoài lãi	1,641	22,846	1392.20%
2	Chi từ lãi	2,473	12,387	500.89%
	Chi ngoài lãi	4,726	24,377	515.81%
	Chi dự phòng rủi ro	1,733	426	24.58%
3	Số dư quỹ DPRR	489	769	157.26%
4	Lợi nhuận trước thuế	3,093	28,651	926.32%
5	Lợi nhuận sau thuế	2,227	20,826	935.16%
6	Tỷ lệ lợi nhuận trên tài sản			1.85%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu			4.17%

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2006 CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

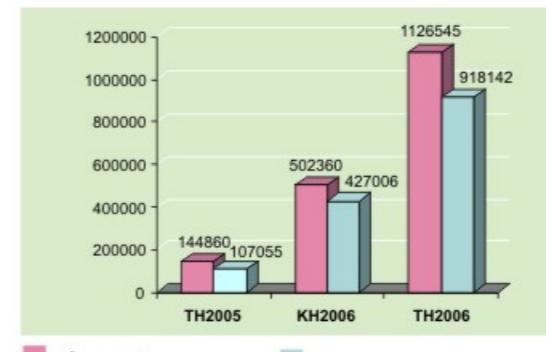


I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2006

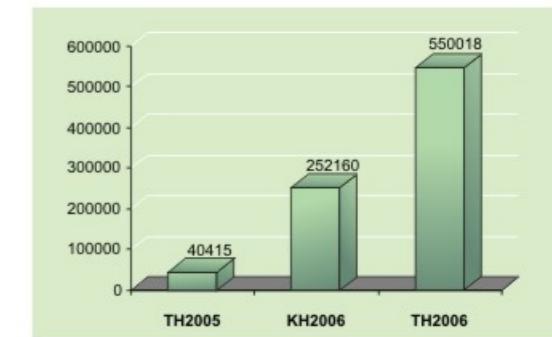
Nhiều năm trở lại đây, trong bối cảnh kinh tế tăng trưởng cao, ngành ngân hàng phát triển mạnh mẽ và ngày càng tiến gần hơn tới các chuẩn mực, thông lệ quốc tế về hoạt động ngân hàng và đặc biệt là công tác quản trị rủi ro. Năm 2006 đánh dấu sự chuyển biến rõ nét về chất của các ngân hàng thương mại Việt Nam thể hiện qua chỉ tiêu lợi nhuận đạt mức kỷ lục trên 18.000 tỷ Đồng và điều đáng quan tâm đặc biệt hơn cả chính là tính ổn định, bền vững trong sự tăng trưởng của nhóm ngân hàng thương mại này. Không nằm ngoài xu thế chung đó, năm 2006 cũng được Ngân hàng TMCP Nam Việt ghi nhận như là cột mốc đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc bằng sự kiện chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động thành Ngân hàng TMCP đô thị và chuyển trụ sở chính lên TP. Hồ Chí Minh. Với môi trường và điều kiện hoạt động mới, bằng những nỗ lực vượt bậc của toàn thể Ban điều hành và tập thể nhân viên Ngân hàng kết hợp với sự chỉ đạo sâu sát của Hội đồng Quản trị, Ngân hàng TMCP Nam Việt đã bước đầu gây được ấn tượng và uy tín tốt trên thị trường tài chính ngân hàng Việt Nam.

1. Tổng tài sản

Với mục tiêu chiến lược đúng đắn kết hợp với các chính sách kinh doanh linh hoạt, tổng tài sản của Ngân hàng đã có được sự tăng trưởng vượt bậc trong năm tài chính 2006. Tính đến 31/12/2006, tổng tài sản của Ngân hàng đạt 1.126.545 triệu Đồng, tăng trưởng 677,68% (tương đương 981.685 triệu Đồng) so với đầu năm đồng thời hoàn thành vượt 124,25% so với kế hoạch tổng tài sản năm 2006; trong đó, tài sản có sinh lời đạt 918.142 triệu Đồng, chiếm tỷ trọng 81,50%. Tổng tài sản tăng chủ yếu từ



Hình 1: Tăng trưởng tổng tài sản và tài sản sinh lời (triệu Đồng)



Hình 2: Tăng trưởng huy động vốn (triệu Đồng)

nguồn huy động của khách hàng dân cư (tăng hơn 500.000 triệu Đồng) và vốn điều lệ (tăng 400.000 triệu Đồng).

2. Nguồn vốn

2.1. Nguồn vốn huy động

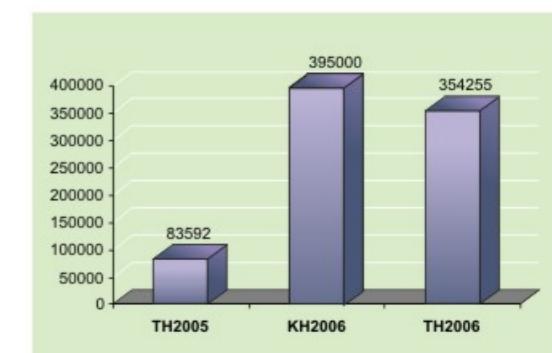
Tổng nguồn vốn huy động của Ngân hàng tăng trưởng cao trong năm 2006. Tính đến thời điểm 31/12/2006, nguồn vốn huy động của Ngân hàng đạt 550.018 triệu Đồng, tăng trưởng 1.260,93% (tương đương 509.603 triệu Đồng) so với cùng kỳ năm trước và vượt 118,12% kế hoạch huy động vốn năm 2006. Tổng nguồn vốn huy động tăng chủ yếu từ tiền gửi của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và cá nhân.

Ngân hàng luôn chủ động theo dõi sát sao những biến động về nguồn huy động trên địa bàn hoạt động để có những đổi mới linh hoạt nhằm ổn định và tăng trưởng bền vững nguồn vốn cũng như đảm bảo khả năng thanh khoản cần thiết. Bên cạnh đó, nhằm tạo ra một cơ chế chăm sóc đặc biệt dành cho các khách hàng có tiền gửi lớn, Ngân hàng đã thành lập Câu lạc bộ NAVIBANK (NAVIBANK Club) với những chính sách ưu đãi và những tiện ích gia tăng dành cho khách hàng là thành viên của Câu lạc bộ.

3. Sử dụng vốn

3.1. Cho vay

Tổng dư nợ của Ngân hàng tính đến 31/12/2006 đạt 354.255 triệu Đồng, tăng trưởng 323,79% (tương đương 270.663 triệu Đồng) so với đầu năm đồng thời hoàn thành 89,68% kế hoạch dư nợ năm 2006.



Hình 3: Tăng trưởng tín dụng (triệu Đồng)

Ngân hàng đang tiến hành cơ cấu lại các khoản nợ theo hướng giảm tỷ trọng dư nợ cho vay trung dài hạn và giảm tỷ lệ nợ xấu. Nợ xấu của Ngân hàng tính đến thời điểm 31/12/2006 chiếm 3.691 triệu Đồng, tương ứng với 1.04% tổng dư nợ, giảm 2,29% so với đầu năm.

3.2. Đầu tư góp vốn, liên doanh, mua cổ phần

Bên cạnh nghiệp vụ huy động và cho vay, Ngân hàng đã triển khai các hoạt động đầu tư góp vốn mua cổ phần của các tổ chức kinh tế hoạt động kinh doanh hiệu quả. Tính đến cuối năm 2006, số dư góp vốn liên doanh của Ngân hàng đạt 98.591 triệu Đồng. Ngoài ra, được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng đã thành lập Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Nam Việt Ngân hàng nhằm đa dạng hóa hoạt động trên thị trường tài chính.

4. Hoạt động dịch vụ

Trên cơ sở hệ thống phần mềm quản trị ngân hàng bán lẻ trực tuyến hiện đại, sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng đã thể hiện rõ tính tiện ích, chính xác và tính chuẩn mực khá cao. Trong năm 2006, Ngân hàng đã nỗ lực đầu tư và đẩy mạnh hoạt động dịch vụ, nâng tổng thu ngoài lãi đạt 22.846 triệu Đồng, tăng trưởng gần gấp 14 lần so với năm trước.

Song song đó, nhằm đẩy mạnh dịch vụ ngân hàng bán lẻ, Ngân hàng đã đầu tư mua sắm trang thiết bị và giải pháp dịch vụ thẻ của hãng CTL (Anh quốc). Theo như dự kiến, Ngân hàng sẽ chính thức phát hành thẻ NaviCard trong quý II/2007.

5. Kết quả kinh doanh

Nhìn chung trong năm 2006, Ngân hàng TMCP Nam Việt đã có những bước phát triển khá nhanh

và ổn định thể hiện qua các chỉ tiêu kế hoạch tài chính đều hoàn thành vượt mức kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng tính đến thời điểm 31/12/2006 đạt 28.651 triệu Đồng, tăng trưởng 826,32% so với năm trước. Bên cạnh đó, Ngân hàng đang tăng cường các biện pháp quản lý tài chính theo hướng tăng thu, giảm chi nhằm mục đích tối đa hóa giá trị vốn cổ đông.

Việc tăng nhanh vốn điều lệ từ 100 tỷ lên 500 tỷ Đồng đã nâng cao đáng kể năng lực tài chính cho Ngân hàng, nhưng việc tăng vốn điều lệ quá nhanh cũng đã làm giảm mạnh tỷ suất sinh lời trên vốn tự có (ROE) do mức độ tăng tài sản có sinh lời cần phải có thời gian mới đạt được mức yêu cầu.

Đơn vị tính: triệu Đồng

STT	CHỈ TIÊU	Lũy kế từ đầu năm
1	Tổng doanh thu	65,415
2	Tổng chi phí	36,764
3	Lợi nhuận trước thuế	28,651
4	ROA	1.85%
5	ROE	4.17%

6. Công tác phát triển mạng lưới

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác phát triển mạng lưới, trong năm 2006, Ngân hàng đã không ngừng nỗ lực củng cố và hoàn thiện mạng lưới các điểm giao dịch để tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng trong việc tiếp cận các sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng. Tính đến cuối năm, Ngân hàng đã có 18 điểm giao dịch đặt tại các địa bàn trọng yếu về kinh tế của cả nước như TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Kiên Giang,... Dự kiến trong

quý I/2007, Ngân hàng sẽ khai trương thêm 02 Chi nhánh (tại Đà Nẵng và Hải Phòng) và 04 Phòng Giao dịch trực thuộc (03 tại TP.HCM, 01 tại Đà Nẵng).

Bên cạnh đó, với sự hỗ trợ của các cổ đông chiến lược của Ngân hàng là chủ đầu tư các khu công nghiệp, ngay trong 02 năm 2007 – 2008, Ngân hàng sẽ đồng loạt mở các điểm giao dịch tại các khu công nghiệp lớn trong cả nước nhằm tập trung khai thác thị phần các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh trong các khu công nghiệp.

7. Công tác quản trị rủi ro

7.1. Rủi ro tín dụng

Các rủi ro về tín dụng bao gồm các rủi ro do khách hàng không hoàn trả nợ vay và lãi hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ hoàn trả nợ vay và lãi theo đúng cam kết. Nhằm tạo cơ sở pháp lý cho công tác quản trị rủi ro tín dụng, Ngân hàng TMCP Nam Việt đã ban hành một loạt các quy định, quyết định, quy chế, quy trình liên quan đến chính sách tín dụng, xếp hạng tín dụng khách hàng, phân loại khoản vay, hệ thống phê duyệt và kiểm soát tín dụng, phân loại và trích lập dự phòng rủi ro,... Đến cuối ngày 31/12/2006, tỷ lệ nợ xấu của Ngân hàng đạt 1,04% tổng dư nợ giảm 2,29% so với cùng thời điểm năm 2005.

7.2. Rủi ro thanh khoản

Quản trị rủi ro thanh khoản là một trong những công tác có tầm quan trọng hàng đầu đối với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Nam Việt trong năm 2006. Thực vậy, quản trị rủi ro thanh khoản đặt ra đối với nhà quản trị 02 yêu cầu cùng lúc là đảm bảo khả năng chi trả tức thời và đảm bảo tính hiệu quả cao nhất cho danh mục tài sản Có của Ngân hàng. Để

thực hiện tốt công tác quản trị rủi ro thanh khoản, Ngân hàng TMCP Nam Việt đã nghiên cứu một cách có hệ thống những dữ liệu quá khứ từ đó ban hành Quy chế điều hành thanh khoản kèm theo Quyết định số 307/2006/QĐ-TGD của Tổng Giám đốc. Thông qua quy chế này, khả năng thanh khoản của Ngân hàng được quản lý chặt chẽ bằng cách quy định cụ thể các tỷ lệ dự trữ sơ cấp và dự trữ thứ cấp cho từng mỗi đơn vị thành viên và cho cả toàn hệ thống Ngân hàng.

7.3. Rủi ro lãi suất

Sự thay đổi lãi suất thị trường có thể gây tác động mạnh đến thu nhập và chi phí hoạt động của ngân hàng do sự chênh lệch nhau về kỳ hạn giữa nguồn vốn huy động so với việc sử dụng vốn. Cũng như các ngân hàng khác, ở trạng thái VNĐ, Ngân hàng TMCP Nam Việt đang sử dụng vốn huy động ngắn hạn để đầu tư trung dài hạn. Điều này có nghĩa nguồn vốn nhạy cảm lãi suất luôn lớn hơn tài sản nhạy cảm lãi suất. Do vậy trong trường hợp lãi suất VNĐ tăng, Ngân hàng sẽ phải đổi mặt với rủi ro lãi suất. Để hạn chế ảnh hưởng của loại rủi ro này, trong năm 2006, Ngân hàng TMCP Nam Việt đã cải tiến công tác quản trị rủi ro lãi suất theo hướng linh hoạt mà qua đó, lãi suất huy động và cho vay được điều chỉnh kịp thời theo biến động thị trường đồng thời dựa trên các báo cáo phân tích lãi suất bình quân đầu vào – đầu ra để đảm bảo rằng chênh lệch lãi suất huy động và cho vay bình quân phải luôn duy trì trong một giới hạn cho phép. Với chính sách quản trị rủi ro lãi suất như vậy, Ngân hàng vẫn có được chênh lệch lãi suất đầu vào – đầu ra khá cao và ổn định.

8. Công tác hiện đại hóa ngân hàng

Với mục tiêu hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin làm nền tảng phục vụ công tác quản trị điều hành và phát triển sản phẩm dịch vụ, Ngân hàng đã triển khai thành công Hệ thống quản trị ngân hàng cốt lõi Microbank (Core Banking System) kết nối trực tuyến toàn hệ thống bao gồm các phân hệ: tiền gửi, tiền vay, ngân quỹ, kế toán tổng hợp, quản lý mẫu dấu chữ ký, quản lý tài sản đảm bảo, quản lý và khai thác hệ thống thông tin khách hàng. Hệ thống này cho phép NAVIBANK quản trị cơ sở dữ liệu một cách tập trung đồng thời đảm bảo kết nối trực tuyến giữa các đơn vị thành viên trong hệ thống NAVIBANK.

9. Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ

Trong thời gian qua, công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ được Ngân hàng tăng cường tối đa nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị và phòng ngừa rủi ro trong phạm vi toàn hệ thống ngân hàng. Bên cạnh đó, với hệ thống Microbank, Ngân hàng đã thiết lập mạng trực tuyến trong toàn hệ thống, xây dựng hệ thống báo cáo và xử lý số liệu phục vụ kịp thời cho công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Ngân hàng đã triển khai Quy chế tổ chức và hoạt động của Hệ thống kiểm soát nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 14/2006/QĐ-HĐQT của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Nam Việt. Theo quy chế này, Ngân hàng hướng đến xây dựng một hệ thống kiểm soát nội bộ khách quan, độc lập, chặt chẽ, trung thực nhằm kiểm soát và phát hiện tất cả các sai sót trong mọi nghiệp vụ kinh doanh của Ngân hàng. Không dừng lại ở đó, hệ thống kiểm soát nội bộ còn tập trung phân tích tìm kiếm nguyên nhân, đề xuất giải pháp thích hợp và triệt để nhằm xử lý sai sót đồng thời xây dựng hệ thống cảnh

báo từ xa để hạn chế đến mức thấp nhất các rủi ro có thể phát sinh do các sai sót trong thao tác nghiệp vụ.

10. Các hoạt động xã hội, từ thiện

Trong năm 2006, Ngân hàng đã tài trợ cho các chương trình xã hội, từ thiện trên phạm vi cả nước (TP. Hồ Chí Minh, Quảng Ngãi, Lâm Đồng, Kiên Giang, Bình Thuận,...) với tổng số tiền lên đến 1 tỷ Đồng. Bên cạnh đó, Ngân hàng đã trao tặng nhiều suất học bổng "NAVIBANK – Song hành cùng tài năng trẻ đất Việt" dành cho sinh viên trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (tổng giá trị học bổng là 100 triệu Đồng) và sinh viên trường Đại học Hùng Vương (tổng giá trị học bổng là 100 triệu Đồng). Gần đây nhất, Ngân hàng đã tài trợ cho chương trình truyền hình trực tiếp "Đêm thơ nhạc" của Báo Công an Nhân dân nhằm gây quỹ "Dũng cảm bảo vệ an ninh Tổ quốc" và quỹ "Xã hội từ thiện" với số tiền tài trợ là 100 triệu Đồng. Như vậy, bên cạnh hoạt động kinh doanh, là một thành viên tích cực của cộng đồng, Ngân hàng luôn dành sự quan tâm thích đáng cho các hoạt động xã hội, từ thiện và xem đó như là một nét văn hóa đáng tự hào của doanh nghiệp.

II. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGÂN HÀNG TMCP NAM VIỆT

Đánh giá một cách tổng quan, năm tài chính 2006 được nhìn nhận là cột mốc đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc của Ngân hàng TMCP Nam Việt. Dưới sức ép cạnh tranh cực kỳ khốc liệt trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, Ngân hàng TMCP Nam Việt không những đã hoàn thành một cách mỹ mãn tất cả các chỉ tiêu kế hoạch tài chính của năm 2006 mà hơn thế nữa, uy tín thương hiệu NAVIBANK bước đầu đã dần được khẳng định trên thị trường tài chính Việt Nam đồng thời thu hút nhiều sự quan tâm từ giới đầu tư. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế mà cụ thể hơn là việc Việt Nam thực hiện các cam kết liên quan đến mở cửa thị trường tài chính ngân hàng, sức ép cạnh tranh sẽ ngày càng trở nên gay gắt và toàn diện hơn đối với các ngân hàng thương mại trong nước, đặc biệt là các ngân hàng thương mại có quy mô chưa thật lớn như Ngân hàng TMCP Nam Việt. Tuy vậy, mặc dù không có được thời gian đủ dài cần thiết để củng cố năng lực cạnh tranh nhằm đón đầu hội nhập, Ngân hàng TMCP Nam Việt vẫn nỗ lực tận dụng một cách tối đa và hiệu quả nhất các lợi thế so sánh của mình như tính linh hoạt trong cơ cấu tổ chức, tính thích ứng cao với những thay đổi của môi trường kinh doanh của mình để nâng cao năng lực cạnh tranh. Trong bối cảnh đó, mục tiêu chiến lược mà chúng tôi lựa chọn là xây dựng Ngân hàng TMCP Nam Việt trở thành một trong những ngân hàng thương mại bán lẻ hàng đầu của Việt Nam, hoạt động đa năng với sản phẩm đa dạng, chất lượng dịch vụ cao, mạng lưới kênh phân phối rộng dựa trên nền tảng mô hình tổ chức theo thông lệ quốc tế, công nghệ thông tin hiện đại, công nghệ ngân hàng tiên tiến.

1. Một số định hướng cơ bản

Chính sách khác biệt hóa sản phẩm: đầu tư triển khai ứng dụng các tiến bộ trong lĩnh vực công nghệ thông tin để nghiên cứu triển khai các sản phẩm mới đồng thời nâng cao tính tiện ích, tính chính xác, tính chuẩn mực cho các sản phẩm dịch vụ hiện có của Ngân hàng.

Chính sách xúc tiến kinh doanh: đầu tư đúng mức và hiệu quả cho các hoạt động xúc tiến kinh doanh như quảng cáo, khuyến mại, quan hệ công chúng,... để thâm nhập ngày càng sâu và rộng vào các thị trường hiện có lẫn thị trường tiềm năng nhằm khai thác tối đa các đối tượng khách hàng mục tiêu.

Chính sách phát triển mạng lưới: hoàn thiện mạng lưới hoạt động hiện có của Ngân hàng tại địa bàn TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Kiên Giang đồng thời nghiên cứu phát triển mạng lưới các Chi nhánh, Phòng Giao dịch tại các địa bàn, khu vực có tốc độ phát triển kinh tế cao khác như Bình Định, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Dương, Cần Thơ. Song song với việc phát triển mạng lưới kênh phân phối truyền thống như trên, Ngân hàng sẽ tập trung phát triển hệ thống các kênh phân phối hiện đại như Autobank, Internetbanking, Homebanking, Mobilebanking ...

Chính sách giá: áp dụng chính sách giá linh hoạt kết hợp với việc chào giá trọn gói, khép kín nhằm cung ứng cho khách hàng bộ sản phẩm tài chính hoàn thiện, giá cạnh tranh.

Lựa chọn đối tác chiến lược phù hợp để liên doanh, liên kết nhằm hấp thu kinh nghiệm quản lý, điều hành đồng thời tạo hậu thuẫn vững chắc về tài chính cho Ngân hàng.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2006 CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Một số chỉ tiêu tài chính kế hoạch chủ yếu đến thời điểm 31/12/2007

Tổng tài sản theo kế hoạch đạt 10,000,000 triệu Đồng, tăng trưởng gấp 9 lần so với năm 2006. Tài sản sinh lời trên tổng tài sản đạt tỷ lệ tối thiểu là 85%.

Nguồn vốn huy động của Ngân hàng dự kiến đạt 7,800,000 triệu Đồng, tăng gấp 14 lần so với thời điểm đầu năm.

Kế hoạch vốn điều lệ đến cuối năm 2007 sẽ đạt 1,500,000 triệu Đồng, tăng gấp 3 lần so với đầu năm. Kế hoạch tăng vốn điều lệ được chia làm 3 đợt tùy theo quy mô tổng tài sản và tình hình hoạt động thực tế của Ngân hàng.

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: triệu Đồng	
		TH2006	KH2007
1	Tổng doanh thu	65,415	690,200
	■ Thu từ lãi	42,569	662,200
	■ Thu ngoài lãi	22,846	28,000
2	Tổng chi phí	36,764	491,100
	■ Chi trả lãi	12,387	399,900
	■ Chi ngoài lãi	24,377	91,200
3	Lợi nhuận trước thuế	28,651	199,100
4	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)	1.85%	1.43%
5	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn tự có (ROE)	4.17%	9.56%

3. Các tỷ lệ bảo đảm an toàn

Hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, kế hoạch tăng trưởng hoạt động kinh doanh của Ngân hàng sẽ đi đôi với việc tuân thủ các tỷ lệ

Dư nợ tín dụng của Ngân hàng dự kiến đến 31/12/2007 đạt 5,400,000 triệu Đồng, so với thời điểm 31/12/2006 thì tăng gấp 15 lần.

Ngân hàng sẽ sử dụng khoảng 20% - 30% vốn điều lệ trong tỷ lệ cho phép để góp vốn, liên doanh, mua cổ phần của các doanh nghiệp có khả năng sinh lời cao hoặc các đối tác chiến lược của Ngân hàng.

Dự kiến doanh thu, chi phí, lợi nhuận và các chỉ số tài chính về khả năng sinh lời của Ngân hàng như sau:

STT	CHỈ TIÊU	TH2006	KH2007
1	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	101%	148.5%
2	Tỷ lệ sử dụng vốn trung dài hạn	27.54%	70%
3	Tỷ lệ góp vốn so với vốn điều lệ và quỹ dự trữ	19.71%	20%
4	Tỷ lệ khả năng chi trả (lần)	1.45	1.16

Với những thành quả bước đầu đáng khích lệ gặt hái được trong năm 2006, năm 2007 được Ngân hàng TMCP Nam Việt xác định là thời gian tăng tốc mạnh mẽ để nhanh chóng chiếm lĩnh và khẳng định uy tín thương hiệu trên thị trường đồng thời tạo tiền đề cho quá trình phát triển bền vững về sau. Với mục tiêu đó, Ngân hàng sẽ tiếp tục chuẩn hóa các quy trình, quy chế hoạt động; hoàn thiện danh mục sản phẩm theo hướng tăng cường tính khác biệt; áp dụng chính sách giá linh hoạt và khép kín nhằm

nâng cao năng lực cạnh tranh cho Ngân hàng cũng như tối đa hóa lợi nhuận cho các cổ đông. Bên cạnh đó, việc hoàn thiện và phát triển mới mạng lưới giao dịch được xem là trọng tâm của kế hoạch kinh doanh năm 2007. Với tiềm lực tài chính vững mạnh của các cổ đông chiến lược, với trí tuệ và quyết tâm của toàn thể cán bộ nhân viên, Ngân hàng Nam Việt tự tin có thể hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2007.

Tổng Giám đốc
Ngân hàng TMCP Nam Việt

LÊ QUANG TRÍ

A dynamic photograph of a windsurfer performing a high aerial maneuver. The windsurfer is suspended in mid-air, holding onto the boom of their sail. They are positioned above a massive, curling wave that is breaking to the left. The spray from the wave is visible against a bright, overexposed sky. The water is a deep, vibrant blue.

...điểm tựa vững chắc, mọi
khó khăn sẽ dễ dàng vượt qua...

BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2006

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C).

KHÁI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG

NAVIBANK

Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt

trước đây có tên gọi là Ngân hàng TMCPNT Sông Kiên,

là ngân hàng cổ phần được thành lập theo Giấy phép số 00057/

NH-GP ngày 18 tháng 09 năm 1995 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

cấp và Giấy phép thành lập công ty số 1217/GP-UB ngày 17 tháng 10 năm

1995 do Ủy Ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp. Ngân hàng hoạt động kinh doanh

theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005193 của Sở kế hoạch và đầu

tư Thành phố Hồ Chí Minh (đăng ký lần đầu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số

050046 ngày 02 tháng 11 năm 1995 của Ủy ban kế hoạch tỉnh Kiên Giang).

Trải qua 10 năm hoạt động, những thành công bước đầu nhanh chóng và ổn định về qui hiệu quả kinh doanh. Trong nỗ lực đón đầu xu thế hội nhập kinh mua nhọn chiến lược phải tập tài chính thông qua việc tăng tác quản trị rủi ro. Bên cạnh đó, lối hoạt động của NAVIBANK kinh tế của cả nước đang được đặc biệt. Đối với chúng tôi, sự

NAVIBANK đã gặt hái được thể hiện qua sự tăng trưởng mô, tổng tài sản, vốn điều lệ lẫn nâng cao năng lực cạnh tranh, tế quốc tế, NAVIBANK xác định trung là lành mạnh hóa tình hình vốn điều lệ và thực hiện tốt công việc nghiên cứu phát triển mạng tại các địa bàn trọng yếu về chúng tôi quan tâm một cách phát triển ổn định và bền vững

của một tổ chức chỉ có thể có được nếu tổ chức đó tạo dựng được uy tín và lòng tin đối với công chúng. Ý thức được điều này, toàn bộ các mảng hoạt động nghiệp vụ của NAVIBANK đều được chuẩn hóa trên cơ sở chuẩn mực quốc tế thông qua việc triển khai vận dụng hệ thống quản trị ngân hàng cốt lõi (Core Banking) Microbank. Với hệ thống này, NAVIBANK sẵn sàng cung cấp cho khách hàng các sản phẩm dịch vụ chính xác, an toàn, nhanh chóng và hiệu quả. Chúng tôi, NAVIBANK, tự hào là điểm tựa tài chính vững chắc để hỗ trợ Quý khách hàng của mình đạt được những thành công ngày càng rực rỡ hơn trong cuộc sống.

NGÂN HÀNG TMCP NAM VIỆT

NAVIBANK

NAM VIET NGAN HANG

NAVIBANK

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN

NAVIBANK

Điểm tựa tài chính, nâng bước thành công

- Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, NAVIBANK cam kết sự phát triển bền vững nhằm đem lại sự an toàn tuyệt đối cho người gửi tiền và các đối tác liên quan.
- Là một doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế, NAVIBANK cam kết tuân thủ tuyệt đối các quy định của Chính phủ, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định khác có liên quan.
- Là nhà cung cấp dịch vụ tài chính ngân hàng, NAVIBANK cam kết mang lại cho khách hàng của mình những sản phẩm dịch vụ hoàn hảo, tiện ích và đa dạng.
- Là thành viên tích cực của cộng đồng, NAVIBANK cam kết sẵn sàng tham gia các hoạt động mang tính xã hội, các chương trình từ thiện nhằm xây dựng một cộng đồng văn minh, tiến bộ.
- Là một doanh nghiệp cổ phần, NAVIBANK cam kết không ngừng nỗ lực mang lại lợi nhuận tối đa một cách chính đáng cho các cổ đông và việc làm ổn định cho người lao động.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng đã được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp bổ sung các giấy phép, công văn sau đây:

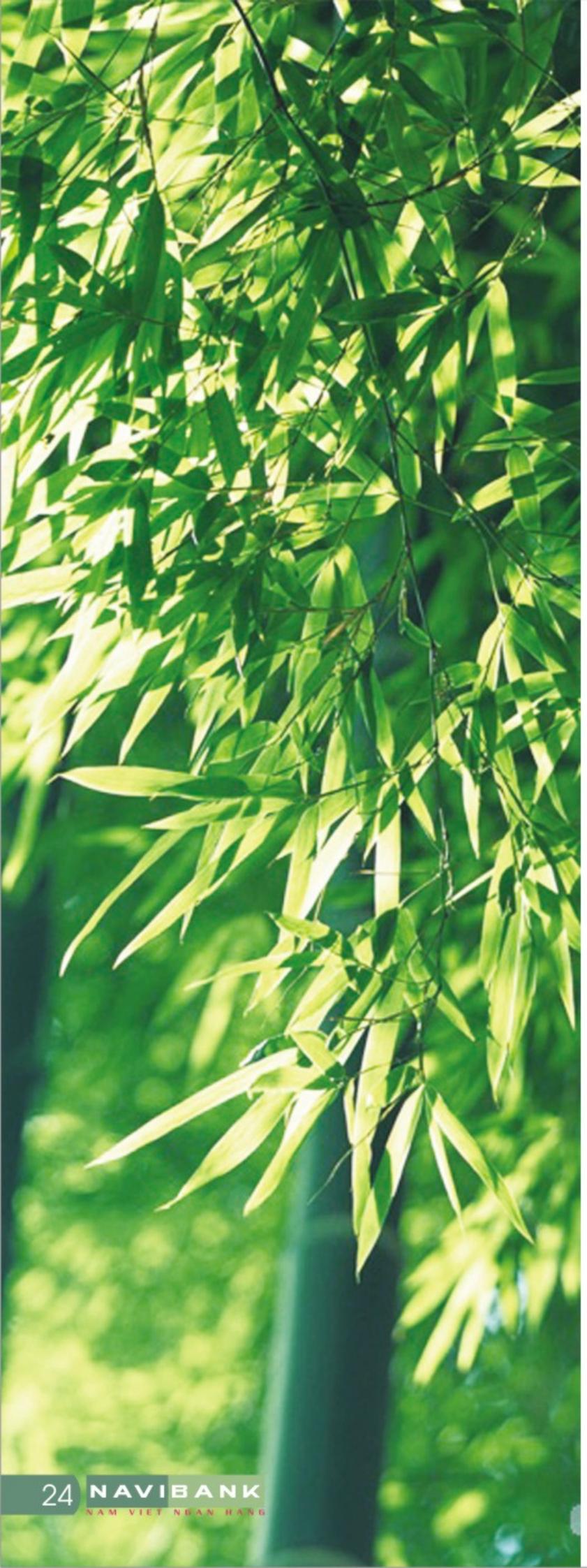
- Công văn chấp thuận của Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Kiên Giang ngày 14/11/1998 về việc dời Phòng Giao dịch ở xã Định Hòa về xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.
- Công văn số 115/CV-NHNN5 ngày 09/02/1999 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và Giấy đăng ký thay đổi kinh doanh ngày 26/4/1999 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp: chấp thuận cho Ngân hàng chuyển trụ sở từ Phường Rạch Sỏi, thị xã Rạch Giá về Thị trấn Hòn Đất, Huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
- Quyết định số 20/2000/QĐ-NHNN5 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 14/8/2000 về việc phê duyệt phương án chấn chỉnh và sắp xếp lại Ngân hàng TMCP nông thôn Sông Kiên.
- Công văn số 343/NHNN-CNHN ngày 13/4/2001 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận về nguyên tắc cho Ngân hàng TMCP nông thôn Sông Kiên tăng vốn điều lệ lên 5 tỷ đồng.
- Giấy đăng ký thay đổi kinh doanh số 71 ngày 28/11/2001 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp: bổ sung vốn điều lệ của Ngân hàng thêm 1,9 tỷ đồng.

- Giấy đăng ký thay đổi kinh doanh số 050046A ngày 25/04/2004 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp: bổ sung vốn điều lệ của Ngân hàng lên 6,5 tỷ đồng.
- Giấy đăng ký thay đổi kinh doanh số 050046A ngày 30/12/2004 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp: bổ sung vốn điều lệ của Ngân hàng lên 50 tỷ đồng.
- Giấy đăng ký thay đổi kinh doanh số 050046A ngày 26/05/2005 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp: bổ sung vốn điều lệ của Ngân hàng lên 70 tỷ đồng.
- Giấy đăng ký thay đổi kinh doanh số 050046A ngày 01/06/2006 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp: bổ sung vốn điều lệ của Ngân hàng lên 150 tỷ đồng.
- Giấy đăng ký thay đổi kinh doanh số 050046A ngày 13/06/2006 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp: bổ sung vốn điều lệ của Ngân hàng lên 350 tỷ đồng.
- Giấy đăng ký thay đổi kinh doanh số 4103005193 ngày 29/12/2006 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp: bổ sung vốn điều lệ của Ngân hàng lên 500 tỷ đồng.

- Quyết định số 970/QĐ-NHNN ngày 18/05/2006 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận chuyển đổi mô hình hoạt động thành ngân hàng thương mại cổ phần đô thị, đồng thời đổi tên thành Ngân hàng TMCP Nam Việt.
- Công văn số 57/NHNN-KGI.5 ngày 13/6/2006 của Ngân hàng Nhà nước CN Kiên Giang về việc chấp thuận nguyên tắc cho Ngân hàng TMCP Nam Việt tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng.

- Quyết định số 1584/QĐ-NHNN ngày 10/8/2006 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của Ngân hàng TMCP Nam Việt.





BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2006

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM VIỆT - NAVIBANK

- **Trụ sở chính:** Số 39-41-43 Bến Chương Dương, P.Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (84.8) 8216 216 - Fax : (84.8) 9142 738
- **Vốn điều lệ:** 500 tỷ đồng
- **Mã số thuế:** 1700 169 765
- **Các chi nhánh:**
 - Chi Nhánh Kiên Giang:** 123 Mạc Cửu, P. Vĩnh Thanh, TP. Rạch Giá Kiên Giang
 - Chi Nhánh Hà Nội:** 300-302 Trần Khát Chân, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
- **Công ty trực thuộc:** Công Ty TNHH Quản Lý Nợ VÀ Khai Thác Tài Sản Nam Việt Ngân Hàng
Số 396-398 Đường 3/2, P.12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.
- **Hoạt động chính:**

Huy động vốn, tiếp nhận vốn, ủy thác, vay vốn, cho vay, chiết khấu các thương phiếu, hùn vốn liên doanh, dịch vụ thanh toán.
- **Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ:**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2006 cho đến thời điểm lập Báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2006

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

► HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông NGUYỄN VĨNH THỌ
Chủ tịch HĐQT

Thành viên Hội Đồng Quản Trị của Ngân hàng trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo



Ông ĐẶNG THÀNH TÂM
Thành viên



Ông LÊ QUANG TRÍ
Thành viên



Ông VŨ ĐỨC GIANG
Thành viên



Ông NGUYỄN QUỐC KHÁNH
Thành viên



Bà NGUYỄN XUÂN HƯNG
Thành viên



Bà NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG
Thành viên

BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2006

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

► BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông LÊ QUANG TRÍ
Tổng Giám đốc

Ban Điều hành của Ngân hàng trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo



Ông CAO KIM SƠN CƯỜNG
Phó Tổng Giám đốc



Ông NGUYỄN GIANG NAM
Phó Tổng Giám đốc



Ông LÂM TRỌNG HẬU
Phó Tổng Giám đốc

► BAN KIỂM SOÁT



Ông TRẦN QUANG SƠN
Trưởng ban



Bà NGÔ THỊ PHƯƠNG THÙY
Thành viên



Ông NGUYỄN VĂN TRÁI
Thành viên



BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2006

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

■ Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng trong từng năm tài chính.

Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng.
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính.
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Ngân hàng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Ngân hàng và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chế độ kế toán thống nhất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Ngày 10 tháng 03 năm 2007

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

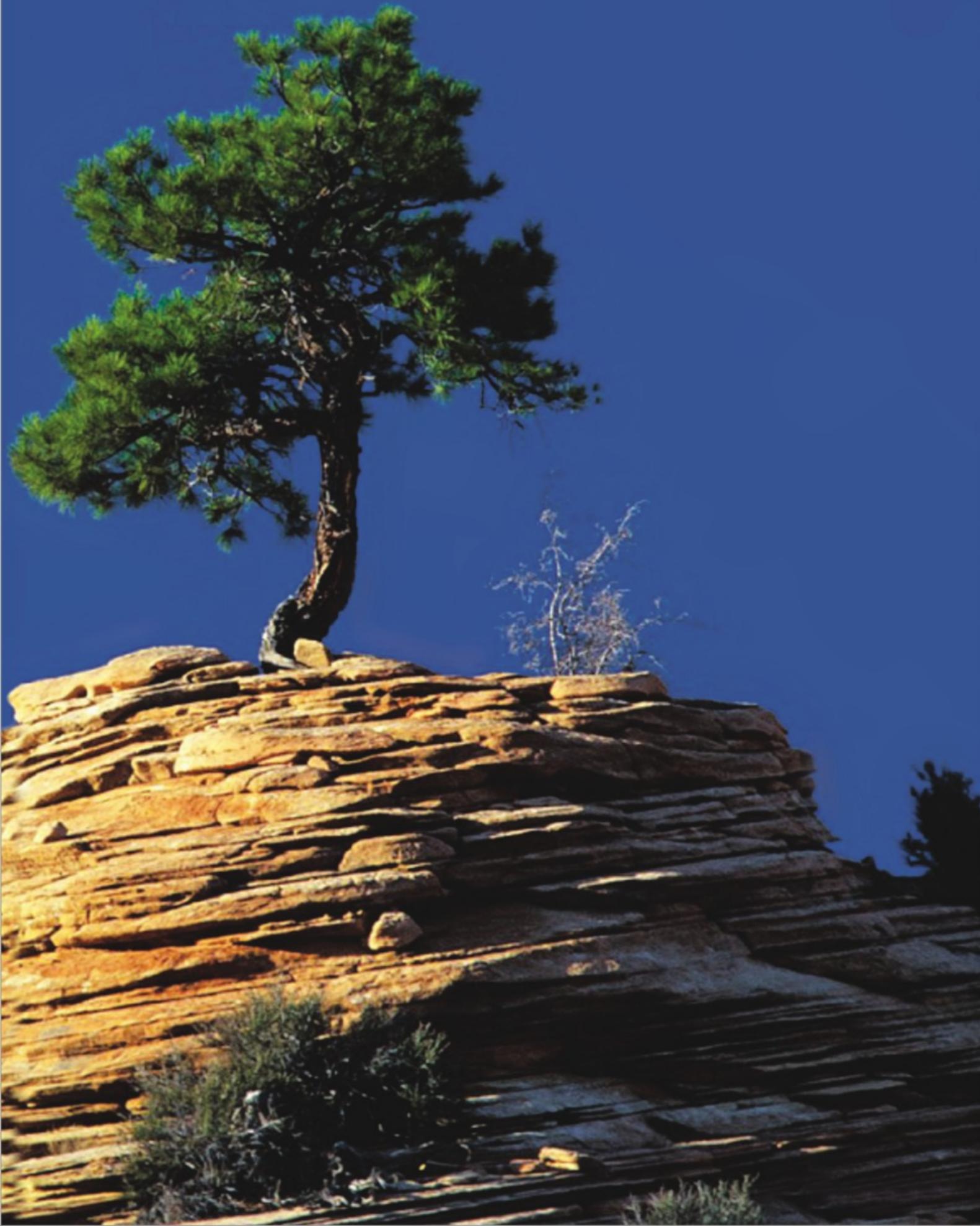


LÊ QUANG TRÍ

■ Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ này, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Ngân hàng.

...cái khó là tìm ra điểm tựa
cho mình để phát triển trong
hoàn cảnh khắc nghiệt...



BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2006

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2006 CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM VIỆT

Số: 0098/2007/BCTC-KTTV

Kính gửi: CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2006, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 01 tháng 2 năm 2007.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Vấn đề chưa thống nhất

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, chúng tôi vẫn chưa nhận được đầy đủ thư trả lời về việc xác nhận các khoản nhận tiền gửi của khách hàng và các khoản ứng trước cho bên ngoài tại ngày 31 tháng 12 năm 2006.

Chúng tôi đã không thể tham gia kiểm kê tiền mặt và tài sản cố định vào ngày 31 tháng 12 năm 2006 vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được chỉ định làm kiểm toán. Với những tài liệu hiện có của đơn vị, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được tính đúng đắn của số lượng tiền mặt và tình trạng tài sản cố định tại thời điểm trên bằng các thủ tục kiểm toán khác.

Ngân hàng chưa thực hiện tính lãi dự thu đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng khác. Ngoài ra, có 1 số trường hợp dự thu lãi chưa chính xác.

Một số trường hợp, các khoản nợ được phân loại chưa chính xác.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2006, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán thống nhất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)

• Lê Minh Tài - Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số D.0084/KTV

• Hồ Văn Tùng - Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số D.0092/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2007

BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2006

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Tiền mặt tại quỹ	10	23,115,175,198	930,990,700
II. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	11	11,151,474,378	910,036,817
III. Tiền gửi tại các TCTD trong nước và ở nước ngoài	12	408,536,174,646	3,065,706,438
IV. Cho vay các tổ chức tín dụng khác		-	19,860,000,000
■ Cho vay các tổ chức tín dụng khác		-	20,000,000,000
■ Dự phòng phải thu khó đòi		-	(140,000,000)
V. Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	4,13	353,485,770,300	63,242,675,300
■ Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước		354,254,521,328	63,591,799,000
■ Dự phòng phải thu khó đòi		(768,751,028)	(349,123,700)
VI. Các khoản đầu tư	3,14	98,590,601,900	19,977,000,000
1 Đầu tư vào chứng khoán		-	-
■ Đầu tư vào chứng khoán		-	-
■ Dự phòng giảm giá chứng khoán		-	-
2 Góp vốn liên doanh, mua cổ phần		98,590,601,900	19,977,000,000
VII. Tài sản		19,350,414,121	3,119,490,219
1 Tài sản cố định	2,15	19,295,629,521	3,115,211,529
■ Nguyên giá tài sản cố định		20,870,838,795	3,901,944,091
■ Hao mòn tài sản cố định		(1,575,209,274)	(786,732,562)
2 Tài sản khác		54,784,600	4,278,690
VIII. Tài sản có khác		212,314,901,134	33,754,898,818
1 Các khoản phải thu	16	204,318,592,956	31,757,765,291
2 Các khoản lãi cộng dồn dự thu	17	2,512,721,978	1,725,439,250
3 Tài sản có khác	18	5,483,586,200	271,694,277
4 Các khoản dự phòng rủi ro khác		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1,126,544,511,677	144,860,798,292



BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2006

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

NGUỒN VỐN		Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
I. Tiền gửi của kho bạc Nhà nước và tổ chức tín dụng khác			175,056,196	408,112,515	
1 Tiền gửi của kho bạc Nhà nước			-	-	
2 Tiền gửi của tổ chức tín dụng khác	19		175,056,196	408,112,515	
II. Vay Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng khác			40,000,000,000	-	
1 Vay NHNN			-	-	
2 Vay tổ chức tín dụng trong nước	20		40,000,000,000	-	
3 Vay TCTD ở nước ngoài			-	-	
4 Nhận vốn cho vay đồng tài trợ			-	-	
III. Tiền gửi của tổ chức kinh tế, dân cư	21		549,843,470,763	40,007,510,931	
IV. Vốn tài trợ ủy thác đầu tư			-	-	
V. Phát hành giấy tờ có giá			-	-	
VI. Tài sản nợ khác			15,390,938,713	1,296,369,799	
1 Các khoản phải trả	22		9,347,969,338	336,535,050	
2 Các khoản lãi cộng dồn dự trả	23		5,627,720,778	840,769,704	
3 Tài sản nợ khác	24		415,248,597	119,065,045	
VII. Vốn và các quỹ			521,135,046,005	103,148,805,047	
1 Vốn của tổ chức tín dụng	25		500,000,000,000	100,000,000,000	
■ Vốn điều lệ			500,000,000,000	100,000,000,000	
■ Vốn đầu tư XDCB			-	-	
■ Vốn khác			-	-	
2 Quỹ của tổ chức tín dụng	25		308,702,849	56,044,767	
3 Lãi / lỗ kỳ trước	25		-	3,092,760,280	
4 Lãi / lỗ kỳ này			20,826,343,156	-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			1,126,544,511,677	144,860,798,292	

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị tính: VND
1 Cam kết bảo lãnh của khách hàng	2,544,319,829	-	
2 Các cam kết giao dịch hối đoái	-	-	
3 Cam kết tài trợ cho khách hàng	-	-	
4 Tài sản dùng để thuê tài chính đang quản lý tại công ty	-	-	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2007

Người lập bảng

ĐỖ THỊ THÚY QUYÊN

Kế toán trưởng

HUỲNH VĨNH PHÁT

Tổng Giám đốc



LÊ QUANG TRÍ

BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2006

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

CÁC CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
I. Thu từ lãi		
1 Thu lãi cho vay	17,226,140,961	10,000,226,281
2 Thu lãi tiền gửi	2,638,921,707	197,975,763
3 Thu lãi góp vốn mua cổ phần	22,638,890,578	186,425,000
4 Thu từ nghiệp vụ cho thuê tài chính	-	-
5 Thu khác về hoạt động tín dụng	64,752,528	-
Tổng thu tiền lãi và các khoản thu nhập có tính chất lãi	42,568,705,774	10,384,627,044
II. Chi trả lãi		
1 Chi trả lãi tiền gửi	11,919,654,733	2,473,519,992
2 Chi trả lãi tiền đi vay	467,133,333	-
3 Chi trả lãi phát hành giấy tờ có giá	-	-
Tổng chi trả lãi	12,386,788,066	2,473,519,992
III. Thu nhập từ lãi (thu nhập lãi ròng)	30,181,917,708	7,911,107,052
IV. Thu ngoài lãi		
1 Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	41,041,283	-
2 Thu phí dịch vụ thanh toán	148,740,212	-
3 Thu phí dịch vụ ngân quỹ	1,128,743	-
4 Thu từ tham gia thị trường tiền tệ	-	-
5 Lãi từ kinh doanh ngoại hối	12,487,408	-
6 Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	20,343,530,697	46,109,942
7 Thu từ các dịch vụ khác	864,419,557	65,917,548
8 Các khoản thu nhập bất thường	1,435,154,252	1,528,642,052
Tổng thu ngoài lãi	22,846,502,152	1,640,669,542

Đơn vị tính: VNĐ

CÁC CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
V. Chi phí ngoài lãi		
1 Chi khác về hoạt động huy động vốn	-	90,420,000
2 Chi về dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	448,555,863	19,292,901
3 Chi về tham gia thị trường tiền tệ	-	-
4 Lỗ từ kinh doanh ngoại hối	-	-
5 Chi về hoạt động khác	-	-
6 Chi nộp thuế	524,668,291	10,957,500
7 Chi nộp các khoản phí, lệ phí	50,641,566	10,209,575
8 Chi phí cho nhân viên	8,686,125,712	1,672,879,516
9 Chi hoạt động quản lý và công vụ	6,673,175,548	1,758,621,363
10 Chi khấu hao cơ bản TSCĐ	910,989,324	287,241,143
11 Chi khác về tài sản	6,561,197,970	841,527,076
12 Chi dự phòng	426,117,628	1,733,442,240
13 Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng, chi bồi thường BHTG	65,976,000	34,425,000
14 Chi bất thường khác	29,935,321	-
Tổng chi phí ngoài lãi	24,377,383,223	6,459,016,314
VI. Thu nhập ngoài lãi	(1,530,881,071)	(4,818,346,772)
VII. Thu nhập trước thuế	28,651,036,637	3,092,760,280
VIII. Thuế thu nhập doanh nghiệp	7,824,693,481	-
IX. Thu nhập sau thuế	20,826,343,156	3,092,760,280

Đơn vị tính: VNĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2007

Người lập bảng

ĐỖ THỊ THÚY QUYÊN

Kế toán trưởng

HUỲNH VĨNH PHÁT

Tổng Giám đốc
NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI
CỔ PHẦN
NAM VIỆT
QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH
S.B.K.K.D: 4103005/03.CT
LÊ QUANG TRÍ

BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2006

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

(Theo phương pháp gián tiếp)

I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh

Đơn vị tính: VND

MS	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Lợi nhuận trước thuế <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		28,651,036,637	3,092,760,280
02	Khấu hao tài sản cố định	15	910,989,324	287,241,143
03	Các khoản dự phòng	13	279,627,328	487,325,040
04	Lãi, lỗ do thanh lý tài sản cố định		39,262,688	-
05	Lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản		-	-
06	Lãi, lỗ từ việc bán chứng khoán		(21,933,187,800)	-
07	Thu lãi từ đầu tư chứng khoán		-	-
08	Lãi do đầu tư vào các đơn vị khác		(705,702,778)	-
09	Các điều chỉnh khác		-	-
10	2. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động <i>(Tăng)/Giảm tài sản hoạt động</i>		7,242,025,399	3,867,326,463
11	(Tăng)/Giảm tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		-	-
12	(Tăng)/Giảm cho vay đối với các TCTD khác		20,000,000,000	15,000,000,000
13	(Tăng)/Giảm cho vay đối với khách hàng		(290,662,722,328)	(44,554,584,500)
14	(Tăng)/Giảm lãi dự thu		(787,282,728)	(1,331,227,250)
15	(Tăng)/Giảm tài sản hoạt động khác <i>(Tăng)/Giảm các khoản công nợ hoạt động</i>		(177,705,577,595)	(30,285,952,399)
16	Tăng/(Giảm) tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		(233,056,319)	(305,924,432)
17	Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng		509,835,959,832	26,287,119,731
18	Tăng/(Giảm) lãi dự trả		4,786,951,074	529,656,004
19	Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá		-	-
20	Tăng/(Giảm) vay Ngân hàng Nhà nước		-	-
21	Tăng/(Giảm) vay TCTD khác trong nước và ở nước ngoài		40,000,000,000	-
22	Tăng/(Giảm) vốn tài trợ ủy thác đầu tư		-	-
23	Tăng/(Giảm) khoản nhận vốn cho vay đồng tài trợ		-	-
24	Tăng/(Giảm) các khoản công nợ hoạt động khác		1,482,924,359	(81,538,824)

BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2006

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh

MS	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
30	3. Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế thu nhập doanh nghiệp		113,959,221,694	(30,875,125,207)
31	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	9	(931,421,801)	(215,589,535)
32	Chi từ các Quỹ của TCTD	25	(636,046,800)	(59,250,000)
	4. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		112,391,753,093	(31,149,964,742)

40 II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

MS	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
41	Mua tài sản cố định theo nguyên giá		(17,130,670,004)	(1,817,316,901)
42	Tiền thu do bán tài sản cố định		-	-
43	Tiền mua chứng khoán		(46,000,000,000)	-
44	Tiền thu từ bán chứng khoán		46,000,000,000	-
45	Thu lãi đầu tư chứng khoán		21,933,187,800	-
46	Góp vốn liên doanh, mua cổ phần		(105,784,242,100)	(19,800,000,000)
47	Tiền thu từ góp vốn liên doanh, mua cổ phần		27,170,640,200	-
48	Thu lãi góp vốn, mua cổ phần		705,702,778	186,425,000
49	Các hoạt động đầu tư khác		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(73,105,381,326)	(21,430,891,901)

III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính

MS	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
51	Tăng/(Giảm) vốn cổ phần	25	400,000,000,000	50,000,000,000
52	Tiền lãi đã trả cho các nhà đầu tư vào TCTD	25	(1,390,281,500)	(101,411,622)
53	Các hoạt động tài chính khác		-	-
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		398,609,718,500	49,898,588,378

MS	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
70	IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm		437,896,090,267	(2,682,268,265)
80	V. Tiền tồn đầu năm		4,906,733,955	7,589,002,220
90	VI. Tiền tồn cuối năm		442,802,824,222	4,906,733,955

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2006

Người lập bảng

ĐỖ THỊ THÚY QUYÊN

Kế toán trưởng

HUỲNH VĨNH PHÁT

Tổng Giám đốc



LÊ QUANG TRÍ





Điểm tựa vững chắc và an toàn sẽ
giúp bạn đạt được mục tiêu dễ dàng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2006

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006



Phần thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2006 của Ngân hàng TMCP Nam Việt (gọi tắt là Ngân hàng).

Năm 2006 là năm hoạt động thứ 11 của Ngân hàng.

CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Ngân hàng áp dụng Chế độ kế toán thống nhất ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004, Quyết định số 807/2005/QĐ-NHNN ngày 01/6/2005, Quyết định số 29/2006/QĐ-NHNN ngày 10/7/2006 và Chế độ báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 1145/2002/QĐ-NHNN ngày 18/10/2002 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Hình thức sổ sách kế toán là Nhật ký chung.

1. Qui ước về kế toán

Các chỉ tiêu của Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Đơn vị tiền tệ sử dụng lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND). Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Ngân hàng tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức vừa tập trung vừa phân tán. Công tác kế toán thực hiện riêng biệt cho Hội sở, các chi nhánh và phòng giao dịch, sau đó tổng hợp lại toàn Ngân hàng.

2. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được xác định theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định. Riêng những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phương pháp khấu hao áp dụng

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Cụ thể như sau:

● Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
● Phương tiện vận tải	8
● Máy móc, thiết bị văn phòng	3 - 5
● Phần mềm kế toán	5
● Tài sản khác	5

3. Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư phản ánh số tiền Ngân hàng thực góp vốn vào các công ty cổ phần hoặc vào các ngân hàng cổ phần khác (xem thuyết minh số 14). Kết quả hoạt động đầu tư ghi nhận khoản cổ tức mà Ngân hàng được hưởng.

4. Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước

Phương thức cho vay đối với đơn vị và cá nhân dưới các hình thức: vay từng lần, theo hạn mức, vay trả góp.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2006

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Phần lớn các khoản cho vay của Ngân hàng là cho vay các Công ty nhằm bổ sung vốn kinh doanh và cho vay cá nhân bổ sung vốn của hộ kinh doanh cá thể. Các khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản, động sản, giấy tờ có giá và 1 số tài sản hình thành trong tương lai.

Lãi cho vay chỉ được ghi nhận đối với nợ trong hạn, dựa trên số tiền lãi thu được. Lãi nợ quá hạn được theo dõi ngoại bảng.

5. Dự phòng

Ngân hàng áp dụng việc phân loại nợ, trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và xử lý rủi ro theo các hướng dẫn tại Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Các khoản nợ được phân loại chủ yếu theo thời hạn nợ của khách hàng và dự phòng được trích lập theo tỷ lệ quy định tại Quyết định trên.

6. Phương pháp ghi nhận Thu nhập và Chi phí

Các khoản thu nhập từ lãi cho vay, tiền gửi và đầu tư được ghi nhận trên cơ sở dự thu. Các khoản thu nhập khác được ghi nhận khi phát sinh. Trong đó, các khoản thu nhập bất thường chủ yếu bao gồm: thu các khoản nợ đã xử lý, thu hoàn nhập dự phòng.

Các khoản chi phí trả lãi vay, tiền gửi được hạch toán trên cơ sở dự chi. Các khoản chi khác được ghi nhận khi phát sinh

7. Chuyển đổi ngoại tệ

Nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm bằng ngoại tệ, chủ yếu là Dollar Mỹ (USD), được qui đổi sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỉ giá liên ngân hàng vào thời điểm cuối tháng, cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ ngoại tệ phát sinh trong kỳ và đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá qui đổi tại thời điểm ngày 31/12/2006:

- 16.101 VND/USD
- 13.688 VND/CAD
- 21.092 VND/EUR
- 133,94 VND/JPY
- 12.586 VND/AUD
- 10.389 VND/SGD

8. Tình hình thu nhập của Nhân viên

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
I. Tổng số nhân viên (người)	200	69
II.Thu nhập của nhân viên (triệu đồng)		
1. Tổng quỹ lương	7.549	1.673
2. Tiền thưởng	2.000	-
3. Tổng thu nhập	9.549	1.673
4. Tiền lương bình quân/ tháng	3,15	2,02
5. Thu nhập bình quân/ tháng	3,98	2,02

9. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	399.048	80.050.732	8.664.831	71.784.949
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(182.350.975)	8.638.467.359	931.421.801	7.524.694.583
Thuế khác	-	-	-	-
■ Thuế thu nhập cá nhân	(38.138)	233.729.017	67.451.155	166.239.724
■ Thuế môn bài	(3.000.000)	7.500.000	5.000.000	(500.000)
Cộng	(184.990.065)	8.959.747.108	1.012.537.787	7.762.219.256

9.1. Thuế giá trị gia tăng:

- Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ:
Thuế suất áp dụng cho hoạt động dịch vụ Ngân hàng, bảo lãnh và thanh toán là 10%.
- Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp:
Thuế suất áp dụng cho hoạt động kinh doanh ngoại tệ và vàng là 10%.

9.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trên lợi nhuận thu được (không kể lãi cổ tức được chia và lãi trái phiếu, công trái) là 28%.

9.3. Các khoản thuế, lệ phí khác

Ngân hàng nộp theo các quy định hiện hành.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2006

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

10. Tiền mặt tại quỹ

	Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị: VNĐ
• Đồng Việt Nam	21.561.477.838	930.990.700	
• Ngoại tệ	1.553.697.360	-	
Cộng	23.115.175.198	930.990.700	

11. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

Đây là các tài khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định. Trong đó, tiền gửi dự trữ bắt buộc được xác định tuân thủ theo qui định của Ngân hàng Nhà nước, với tỉ lệ dự trữ là:

■ Tiền gửi bằng đồng Việt nam:

- 5% cho tiền gửi không kỳ hạn & có kỳ hạn dưới 12 tháng.
- 2% cho tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên.

■ Tiền gửi bằng ngoại tệ:

- 8% cho tiền gửi không kỳ hạn & có kỳ hạn dưới 12 tháng.
- 2% cho tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên.

12. Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong nước và ở nước ngoài

Ngân hàng	Số cuối năm	Số đầu năm	Đơn vị: VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn	158.536.174.646	3.065.706.438	
- Ngân hàng Ngoại thương VN	14.784.101.550	-	
- Ngân hàng Ngoại thương VN-CN TP.HCM	26.017.273.759	-	
- Ngân hàng Ngoại thương VN-CN Kiên Giang	1.404.927.434	1.036.786.892	
- Ngân hàng Phát Triển Nhà DBSCL-CN Kiên Giang	6.777.290.746	2.028.919.546	
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển VN-CN TP HCM	96.866.278.036	-	
- Ngân hàng Hàng Hải-CN Sài Gòn	7.667.877.378	-	
- Ngân hàng Hàng Hải-CN TP HCM	2.976.263.088	-	
- Ngân hàng No & PTNT-CN Kiên Giang	177.668.508	-	
- Ngân hàng Hàng Hải SGD	1.693.689.426	-	
- Ngân hàng TMCP Đông Á	170.804.721	-	
Tiền gửi có kỳ hạn	250.000.000.000	-	
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương	40.000.000.000	-	
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương	20.000.000.000	-	
- Ngân hàng TMCP Phương Đông	40.000.000.000	-	
- Liên Doanh Lào Việt-CN HCM	40.000.000.000	-	
- Ngân hàng Hàng Hải-Sở Giao Dịch	30.000.000.000	-	
- Ngân hàng TMCP Nông thôn Miền Tây	20.000.000.000	-	
- Công ty Tài chính Dầu khí-CN HCM	60.000.000.000	-	
Cộng	408.536.174.646	3.065.706.438	

BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2006

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

13. Cho vay tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước

PHÂN LOẠI CHO VAY	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ đủ tiêu chuẩn	348.585.201.828	60.502.294.500
Nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5	5.669.319.500	2.787.313.000
Cộng	354.254.521.328	63.289.607.500

13.1. Nợ đủ tiêu chuẩn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay bằng đồng Việt Nam	348.585.201.828	60.502.294.500
Nợ ngắn hạn	222.830.696.343	34.197.011.500
Nợ trung hạn	112.467.038.885	26.305.283.000
Nợ dài hạn	13.287.466.600	-
Chiết khấu thương phiếu và giấy tờ có giá ngắn hạn	-	302.191.500
Nợ ngắn hạn	-	302.191.500
Cộng	348.585.201.828	60.804.486.000

13.2. Nợ từ nhóm 2 đến nhóm 5

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay bằng đồng Việt Nam	5.669.319.500	2.787.313.000
Nợ ngắn hạn	4.169.693.500	2.597.409.000
Nợ cần chú ý	903.786.000	787.003.000
Nợ không đủ tiêu chuẩn	648.159.000	957.852.000
Nợ nghi ngờ	1.408.019.500	53.016.000
Nợ có khả năng mất vốn	1.209.729.000	799.538.000
Nợ trung hạn	1.499.626.000	189.904.000
Nợ cần chú ý	1.073.965.000	7.915.000
Nợ không đủ tiêu chuẩn	9.120.000	25.000.000
Nợ nghi ngờ	325.924.000	-
Nợ có khả năng mất vốn	90.617.000	156.989.000
Cộng	5.669.319.500	2.787.313.000

BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2006

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

13.3. Tình hình cho vay 20 khách hàng lớn nhất (Nhóm I)

STT	TÊN KHÁCH HÀNG	Số tiền	Kỳ hạn (tháng)
1.	Nguyễn Sơn	36.000.000.000	5 ngày
2.	Cty Cổ phần XD Sài Gòn	30.900.000.000	60
3.	Cty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn Bắc Giang	30.000.000.000	9
4.	Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam	30.000.000.000	7
5.	Cty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	17.000.000.000	10
6.	Cty Cổ phần XD Sài Gòn Kinh Bắc	21.650.050.460	12 hoặc 60
7.	Đỗ Công Khanh	11.642.400.000	6
8.	Lương Thị Lợi	10.000.000.000	6
9.	Cty Cổ phần Công nghệ Viễn Thông Sài Gòn	15.468.391.226	12 hoặc 72
10.	Huỳnh Văn Quang	5.592.000.000	6
11.	Phùng Tiểu My- Nguyễn Nhất Huy	5.237.000.000	120
12.	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	5.000.000.000	60
13.	Cty TNHH SXTM Tân Thuận Thanh	4.120.000.000	24
14.	Cty Cổ phần Vận Tải Hàng Khách Sài Gòn Taxi	4.800.000.000	60
15.	Cty TNHH TMDV Phương Nga	3.362.000.000	12
16.	Cty TNHH TM Phương Nga	4.000.000.000	12
17.	Nguyễn Văn Thọ - Lư Ngọc Bé	3.584.000.000	60
18.	Cty TNHH DV MT Ứng Dụng TM Hy Chi	2.400.000.000	12
19.	Cty TNHH SX TM DV Thái Kim	2.500.000.000	12
20.	Đặng Thị Kim Chiêu	2.500.000.000	60
Cộng		245.755.841.686	

13.4. Phân loại nợ theo loại hình kinh tế và ngành kinh tế

■ Phân loại theo loại hình kinh tế

CHỈ TIÊU	Số dư nợ vay
Cho vay ngắn hạn (VNĐ)	227.000.389.843
- Doanh nghiệp nhà nước TW - Nhóm 1	30.000.000.000
- Cty TNHH - Nhóm 1	14.216.470.717
- Cty Cổ phần nhà nước - Nhóm 2	160.000.000
- Cty Cổ phần khác - Nhóm 1	65.212.224.626
- Doanh nghiệp tư nhân - Nhóm 1	4.639.100.000
- Kinh tế cá thể - Nhóm 1	108.762.901.000
- Kinh tế cá thể - Nhóm 2	743.786.000
- Kinh tế cá thể - Nhóm 3	648.159.000
- Kinh tế cá thể - Nhóm 4	1.408.019.500
- Kinh tế cá thể - Nhóm 5	1.209.729.000
Cho vay trung hạn VNĐ	113.966.664.885
- Công ty TNHH - Nhóm 1	6.445.651.920
- Công ty Cổ phần nhà nước - Nhóm 1	49.888.383.460
- Doanh nghiệp tư nhân - Nhóm 1	23.104.528.671
- Doanh nghiệp tư nhân - Nhóm 2	888.122.000
- Doanh nghiệp tư nhân - Nhóm 4	300.000.000
- Kinh tế tập thể - Nhóm 1	2.329.900.000
- Kinh tế cá thể - Nhóm 1	30.698.574.834
- Kinh tế cá thể - Nhóm 2	185.843.000
- Kinh tế cá thể - Nhóm 3	9.120.000
- Kinh tế cá thể - Nhóm 4	25.924.000
- Kinh tế cá thể - Nhóm 5	90.617.000
Cho vay dài hạn VNĐ	13.287.466.600
- Công ty Cổ phần nhà nước - Nhóm 1	7.256.166.600
- Kinh tế cá thể - Nhóm 1	6.031.300.000
Cộng	354.254.521.328

BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2006

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

■ Phân loại theo ngành kinh tế :

CHỈ TIÊU	Số dư nợ vay
Cho vay ngắn hạn	227.000.389.843
- Nông nghiệp - Nhóm 1	12.449.600.000
- Nông nghiệp - Nhóm 2	64.000.000
- Nông nghiệp - Nhóm 3	203.000.000
- Nông nghiệp - Nhóm 4	66.068.000
- Nông nghiệp - Nhóm 5	718.200.000
- Xây dựng - Nhóm 1	57.000.000.000
- Thương nghiệp; sửa chữa xe có động cơ, môtô, xe máy - Nhóm 1	35.792.822.626
- Thương nghiệp; sửa chữa xe có động cơ, môtô, xe máy - Nhóm 2	343.935.000
- Thương nghiệp; sửa chữa xe có động cơ, môtô, xe máy - Nhóm 3	360.216.000
- Thương nghiệp; sửa chữa xe có động cơ, môtô, xe máy - Nhóm 4	1.312.510.500
- Thương nghiệp; sửa chữa xe có động cơ, môtô, xe máy - Nhóm 5	150.400.000
- Vận tải, kho bãi, thông tin liên lạc - Nhóm 1	30.582.470.717
- Vận tải, kho bãi, thông tin liên lạc - Nhóm 2	160.000.000
- Hoạt động phục vụ cá nhân & công cộng - Nhóm 1	87.005.803.000
- Hoạt động phục vụ cá nhân & công cộng - Nhóm 2	335.851.000
- Hoạt động phục vụ cá nhân & công cộng - Nhóm 3	84.943.000
- Hoạt động phục vụ cá nhân & công cộng - Nhóm 4	29.441.000
- Hoạt động phục vụ cá nhân & công cộng - Nhóm 5	341.129.000

CHỈ TIÊU	Số dư nợ vay
Cho vay trung hạn	113.966.664.885
- Nông nghiệp - Nhóm 1	1.678.000.000
- Nông nghiệp - Nhóm 4	2.856.000
- Nông nghiệp - Nhóm 5	88.389.000
- Xây dựng - Nhóm 1	44.438.383.460
- Thương nghiệp; sửa chữa xe có động cơ, môtô, xe máy - Nhóm 1	13.002.324.500
- Thương nghiệp; sửa chữa xe có động cơ, môtô, xe máy - Nhóm 2	35.000.000
- Thương nghiệp; sửa chữa xe có động cơ, môtô, xe máy - Nhóm 4	300.000.000
- Vận tải, kho bãi, thông tin liên lạc - Nhóm 1	25.375.179.091
- Vận tải, kho bãi, thông tin liên lạc - Nhóm 2	853.122.000
- Hoạt động phục vụ cá nhân và công cộng - Nhóm 1	27.973.151.834
- Hoạt động phục vụ cá nhân và công cộng - Nhóm 2	185.843.000
- Hoạt động phục vụ cá nhân và công cộng - Nhóm 3	9.120.000
- Hoạt động phục vụ cá nhân và công cộng - Nhóm 4	23.068.000
- Hoạt động phục vụ cá nhân và công cộng - Nhóm 5	2.228.000
Cho vay dài hạn	13.287.466.600
- Xây dựng - Nhóm 1	7.256.166.600
- Hoạt động phục vụ cá nhân và công cộng - Nhóm 1	6.031.300.000
Cộng	354.254.521.328

(Các hoạt động phục vụ cá nhân và công cộng chủ yếu là vay tiêu dùng, kinh doanh cá thể)

BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2006

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

■ Trong năm 2006, Ngân hàng đã bán cổ phần tại các đơn vị sau đây:

13.5. Dự phòng phải thu khó đòi

	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Cộng
Số dư đầu năm	300.192.900	48.930.800	349.123.700
Tăng trong năm	156.220.728	570.578.700	726.799.428
- Trích lập dự phòng trong kỳ	156.220.728	570.578.700	726.799.428
Giảm trong năm	238.911.600	68.260.500	307.172.100
- Xử lý rủi ro	-	45.966.000	45.966.000
- Hoàn nhập dự phòng rủi ro	238.911.600	22.294.500	261.206.100
Số dư cuối năm	217.502.028	551.249.000	768.751.028

14. Các khoản đầu tư

■ Góp vốn liên doanh, mua cổ phần

TÊN ĐƠN VỊ NHẬN ĐẦU TƯ	Năm đầu tư	Vốn điều lệ của TC nhận đầu tư	Cam kết góp vốn		Vốn thực góp
			Đồng	Tỷ lệ (%)	
Ngân hàng TMCP Nông Thôn Miền Tây	2006	200.000.000.000			3.217.000.000
Cty CP Bảo Hiểm Bảo Tín	2006	80.000.000.000	8.000.000.000	10%	8.000.000.000
Cty TNHH TM Quả Cầu Vàng	2006	93.600.000.000	9.360.000.000	10%	18.373.601.900
Cty CP Đầu tư Việt Sô	2006	50.000.000.000	5.000.000.000	10%	4.000.000.000
Cty CP KCN Sài Gòn - Hải Phòng	2006	100.000.000.000	11.000.000.000	11%	11.000.000.000
Cty CP KCN Sài Gòn - Nhơn Hội	2006	100.000.000.000	11.000.000.000	11%	11.000.000.000
Cty CP Phát triển Đô thị Sài Gòn - Tây Bắc	2005	150.000.000.000	15.000.000.000	10%	15.000.000.000
Cty CP KCN Sài Gòn - Cần Thơ	2005	100.000.000.000	10.000.000.000	10%	9.000.000.000
Cty QLý Nợ & KTTS Nam Việt Ngân hàng	2006	50.000.000.000	50.000.000.000	100%	19.000.000.000
Cộng		119.360.000.000			98.590.601.900

Đơn vị	Giá bán	Giá gốc	Lãi
Ngân hàng TMCP Nông thôn Miền Tây	37.500.000.000	18.750.000.000	18.750.000.000
Công ty Dệt Việt Thắng	11.426.828.000	8.243.640.200	3.183.187.800
Công ty CP Khu Công nghiệp Tân Tạo	46.000.000.000	46.000.000.000	-
Cộng	94.926.828.000	72.993.640.200	21.933.187.800

15. Tài sản cố định

Chi tiết tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

CHỈ TIÊU	Nhà cửa, vật kiến trúc	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải	Máy móc thiết bị tin học	Tài sản cố định hữu hình khác	Tài sản vô hình	Cộng	
I. Nguyên giá TSCĐ								
Số đầu năm	1.365.527.712	1.343.100.479	977.738.100		-	57.133.800	158.444.000	3.901.944.091
Tăng trong kỳ	195.987.795	2.598.642.891	4.592.755.138	8.969.594.180	100.480.000	673.210.000	17.130.670.004	
■ Mua sắm mới	195.987.795	2.598.642.891	4.592.755.138	8.969.594.180	100.480.000	673.210.000	17.130.670.004	
Giảm trong kỳ	(31.379.500)	(45.395.800)	(85.000.000)		-	-	-	(161.775.300)
■ Điều chỉnh sổ sách	(31.379.500)		-	-	-	-	-	(31.379.500)
■ Thanh lý	-	(45.395.800)	(85.000.000)		-	-	-	(130.395.800)
Số cuối kỳ	1.530.136.007	3.896.347.570	5.485.493.238	8.969.594.180	157.613.800	831.654.000	20.870.838.795	
II. Giá trị hao mòn								
Số đầu năm	426.426.889	165.930.508	181.830.287		-	2.842.256	9.702.622	786.732.562
Tăng trong kỳ	5.009.749	316.142.238	222.244.006	354.522.126	1.451.378	11.619.827	910.989.324	
Giảm trong kỳ	(7.023.023)	(30.489.589)	(85.000.000)		-	-	-	(122.512.612)
Số cuối kỳ	424.413.615	451.583.157	319.074.293	354.522.126	4.293.634	21.322.449	1.575.209.274	
III. Giá trị còn lại								
Số đầu năm	939.100.823	1.177.169.971	795.907.813		-	54.291.544	148.741.378	3.115.211.529
Số cuối kỳ	1.105.722.392	3.444.764.413	5.166.418.945	8.615.072.054	153.320.166	810.331.551	19.295.629.521	

BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2006

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

16. Các khoản phải thu

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm tài sản cố định		
Mua đất xây dựng trụ sở tại Q.2 của Công ty CPXD Sài Gòn	42.000.000.000	30.000.000.000
Tạm ứng mua đất của Công ty CPXD Sài Gòn	18.366.480.000	-
Tạm ứng mua đất của Công ty CPPTĐT Kinh Bắc	67.000.000.000	-
Sửa chữa văn phòng (Phòng GD số 5)	21.083.200	-
Mua xe ô tô Innova cho CN Hải Phòng	445.859.200	-
Chi phí XDCB	1.628.000	1.628.000
Các khoản ký quỹ		
Ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải mở L/C	424.271.581	-
Thanh toán với ngân sách Nhà nước		
Tạm ứng nộp ngân sách nhà nước	306.719.559	193.407.721
Thuế GTGT còn được khấu trừ	1.239.652	-
Phải thu bên ngoài		
Khoản uỷ thác đầu tư tại Ngân hàng TMCP NT Miền Tây	45.608.500.000	-
Üng trước cho Công ty CP GPPM Thiều Quang	361.591.264	70.000.000
Khoản tiền đặt cọc thuê nhà 305 Nguyễn Văn Trỗi	573.237.182	-
Công ty CP Cửu Long	3.404.026.900	-
Công ty Kiên Lục	129.682.000	-
Công ty TNHH Thành Vinh	388.647.893	-
DNTN Đồ họa bảng hiệu Saigon Sign	255.434.300	-
CT TNHH giải pháp mạng Trực Tuyến	690.892.315	-
Đặt cọc thuê nhà 85 Sương Nguyệt Ánh	6.700.000.000	-

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên ngoài		
Üng trước cho Công ty CP Quảng cáo trê	1.798.384.000	-
Đặt cọc thuê nhà 490 Ngô Gia Tự	305.572.630	-
Đặt cọc thuê nhà 396-398 đường 3/2, Q10	4.150.000.000	-
Đặt cọc thuê nhà 05 Hậu Giang, P2, Q6	156.697.136	-
Đặt cọc thuê nhà 22A Phan Đăng Lưu	234.000.000	-
Đặt cọc thuê nhà 259 Cộng Hoà	240.000.000	-
Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT	1.923.322.402	-
Tiền đặt cọc thuê nhà của Chi nhánh Hà Nội	402.228.000	-
Đặt cọc thuê nhà 441 Lê Duẩn, Đà Nẵng	105.000.000	-
Các đơn vị khác	2.554.631.717	710.843.729
Tạm ứng và phải thu nội bộ		
Tạm ứng để hoạt động nghiệp vụ	2.309.775.270	129.204.122
Tạm ứng lương	1.150.900.000	-
Tham ô, tài sản thiếu chở xử lý	374.137.342	411.709.342
Tiền đặt cọc thuê nhà tại CN Hà Nội	506.453.400	-
Các khoản phải thu khác		
Tạm chi từ quỹ khen thưởng phúc lợi	1.426.256.000	43.000.000
Tạm ứng chia lãi cổ đông	-	137.522.977
Chênh lệch số liệu khi chuyển đổi chương trình (Kiên Giang)	1.807.413	-
Các khoản phải thu khác	150.000	60.449.400
Cộng	204.318.577.556	31.757.765.291

17. Các khoản lãi cộng dồn dự thu

Lãi dự thu các khoản cho vay bằng đồng Việt Nam.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2006

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

18. Tài sản có khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí chờ phân bổ	4.446.016.382	271.694.277
Lãi tiền gửi	1.600.622.046	26.556.800
Chi phí khác	2.845.394.336	245.137.477
Tài sản có khác	1.037.569.818	-
Xe ô tô cho chương trình khuyến mãi đợt 1/2006	374.071.818	-
54 lượng vàng SJC cho chương trình khuyến mãi đợt 1/2007	663.498.000	-
Cộng	5.483.586.200	271.694.277

19. Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác

Là khoản tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng TMCP Phương Nam và Ngân hàng TMCP Nông Thôn Miền Tây.

20. Vay của tổ chức tín dụng

Vay của Ngân Hàng TMCP Nông Thôn Miền Tây

21. Tiền gửi của các tổ chức kinh tế và dân cư

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi của khách hàng	501.805.336.805	4.481.583.731
Không kỳ hạn	66.453.131.807	2.433.583.731
Có kỳ hạn dưới 12 tháng	330.237.953.430	2.048.000.000
Có kỳ hạn 12 tháng trở lên	105.114.251.568	-
Tiền gửi tiết kiệm	45.132.121.499	35.525.927.200
Không kỳ hạn	3.616.950.881	667.467.700
Có kỳ hạn dưới 12 tháng	7.661.607.405	19.371.717.700
Có kỳ hạn 12 tháng trở lên	12.427.273.068	15.486.741.800
Bằng ngoại tệ và vàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	16.000.913.286	-
Bằng ngoại tệ và vàng có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	5.425.376.859	-
Tiền gửi của khách hàng nước ngoài	2.222.914.537	-
Không kỳ hạn	550.584.537	-
Có kỳ hạn dưới 12 tháng	1.044.330.000	-
Có kỳ hạn 12 tháng trở lên	628.000.000	-
Tiền gửi ký quỹ	683.097.922	-
Ký quỹ, bảo lãnh	683.097.922	-
Cộng	549.843.470.763	40.007.510.931

BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2006

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

22. Các khoản phải trả

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	7.824.694.583	13.409.048
Chuyển tiền phải trả	158.624.000	71.709.000
Các khoản chờ thanh toán khác	244.379.994	-
Các khoản thanh toán cho CBCNV	817.561.231	38.871.260
Các khoản phải trả khác	302.709.530	212.545.742
Cộng	9.347.969.338	336.535.050

23. Các khoản lãi cộng dồn dự trả

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi của tổ chức tín dụng bằng VNĐ	1.612.421	-
Tiền gửi của khách hàng bằng VNĐ	4.177.858.969	-
Tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ	5.966.225	-
Tiền gửi tiết kiệm bằng VNĐ	891.893.491	840.769.704
Tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ	83.256.339	-
Tiền vay	467.133.333	-
Cộng	5.627.720.778	840.769.704

24. Tài sản nợ khác

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc	24.839.745	24.839.745
Doanh thu chờ phân bổ	390.408.852	94.225.300
Cộng	415.248.597	119.065.045

25. Vốn của tổ chức tín dụng

25.1. Vốn điều lệ

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Số dư đầu năm	100.000.000.000	50.000.000.000
Tăng trong năm	400.000.000.000	50.000.000.000
- Góp vốn của cổ đông	400.000.000.000	50.000.000.000
Số dư cuối năm	500.000.000.000	100.000.000.000

25.2. Các quỹ của tổ chức tín dụng

CHỈ TIÊU	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	22.912.000	113.949.320	-	136.861.320
Quỹ đầu tư phát triển	7.348.668	108.251.854	-	115.600.522
Quỹ dự phòng tài chính	15.505.273	216.503.708	177.000.000	55.008.981
Quỹ khen thưởng	451.663	225.000.000	225.000.000	451.663
Quỹ phúc lợi	9.827.163	225.000.000	234.046.800	780.363
Cộng	56.044.767	888.704.882	636.046.800	308.702.849

Các quỹ tăng do trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế, Các quỹ khen thưởng và phúc lợi giảm là do chi khen thưởng, phúc lợi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2006

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

25.3. Lợi nhuận chưa phân phối năm trước

CHỈ TIÊU	Số cuối năm
Số dư lợi nhuận đầu năm	3.092.760.280
Lợi nhuận sau thuế năm trước	2.278.986.402
Trích các quỹ:	
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	113.949.320
- Quỹ dự phòng tài chính	216.503.708
- Quỹ đầu tư phát triển	108.251.854
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	450.000.000
Chi trả cổ tức	1.390.281.520
Lợi nhuận năm trước còn lại	-
Số dư lợi nhuận năm trước chuyển sang năm nay	-
Lợi nhuận năm 2006	20.826.343.156
Số dư lợi nhuận năm nay	20.826.343.156

26. Các chỉ tiêu tổng hợp

STT	CHỈ TIÊU	(Đơn vị: đồng)
I.	Vốn tự có	487.477.370.951
1	Vốn tự có cấp 1	490.476.868.923
2	Vốn tự có cấp 2	217.502.028
3	Các loại trừ khỏi vốn tự có	(3.217.000.000)
II.	Tổng tài sản "Có" rủi ro	399.147.066.429
III.	Tỷ lệ đảm bảo an toàn vốn (I) : (II)	122,13%
IV.	Lợi nhuận	20.826.343.156
V.	Vốn chủ sở hữu	500.000.000.000
VI.	Tổng tài sản	1.126.544.511.677
VII.	Lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu	4,17%
VIII.	Lợi nhuận/ Tổng tài sản	1,85%
IX.	Tổng dư nợ	354.254.521.328
X.	Tỷ lệ tăng trưởng tín dụng	323,79%
XI.	Tổng dư nợ/ Tổng tài sản	31,45%
XII.	Tỷ lệ tăng trưởng vốn huy động	1.260,91%

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2006

Người lập bảng

ĐỖ THỊ THÚY QUYÊN

Kế toán trưởng

HUỲNH VĨNH PHÁT

Tổng Giám đốc



LÊ QUANG TRÍ



NAVIBANK tự hào là điểm tựa tài chính vững chắc
để hỗ trợ khách hàng đạt được những thành công
trong cuộc sống và trong kinh doanh.



MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA NĂM 2006

LỄ KHAI TRƯƠNG NGÂN HÀNG TMCP NAM VIỆT

39-41-43 Bến Chương Dương, Q.1, TP.HCM



MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA NĂM 2006

HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

- Tài trợ học bổng "NAVIBANK - Song hành cùng tài năng trẻ đất Việt" cho trường Đại học Kinh tế TP. HCM.
- Tài trợ học bổng cho trường Đại học Hùng Vương.
- Tặng 2.000 phần quà cho trẻ em nhân ngày Quốc tế thiếu nhi.
- Ủng hộ cho quỹ đền ơn đáp nghĩa thuộc sở Lao động thương binh - xã hội, quỹ bảo trợ bệnh nhân nghèo tỉnh Kiên Giang.
- Ủng hộ quỹ vì người nghèo tại TP. HCM.
- Tài trợ quỹ dũng cảm bảo vệ an ninh Tổ Quốc.
- Ủng hộ hội chữ thập đỏ thành phố Hải Phòng.
- Trao tặng 5 nhà tình nghĩa ở Củ Chi.

Tổng số tiền mà NAVIBANK đã đóng góp trong năm 2006 trên 1 tỷ đồng.



MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA NĂM 2006

LỄ RÚT THĂM - TRAO GIẢI

Chương trình khuyến mại
"Gửi tiền Nam Việt - Du lịch Năm Châu"

Khách hàng
rút thăm để xác định
khách hàng trúng giải

Đại diện báo chí
rút thăm để xác định
khách hàng trúng giải

TGD Lê Quang Trí
phát biểu trong Lễ trao giải

Khách hàng
trúng giải đặc biệt
tại buổi Lễ trao Giải



SỰ ỦNG HỘ CỦA KHÁCH HÀNG DÀNH CHO NAVIBANK

Một trong những thành tích đáng ghi nhận của NAVIBANK trong năm 2006 là sự thành công ngoài mong đợi của Ngân hàng về chương trình khuyến mại "Gửi tiền Nam Việt - Du lịch Năm Châu". Chương trình khuyến mại được diễn ra trong vòng 03 tháng và đã nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình từ phía khách hàng trên phạm vi cả nước. Kết thúc chương trình khuyến mại NAVIBANK đã huy động về được hơn 300 tỷ đồng và 2.000 khách hàng trên toàn quốc tham gia. Đó là một minh chứng rõ nét nhất về sự tin cậy của khách hàng dành cho NAVIBANK.

MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA NĂM 2006

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



MỞ RỘNG MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG NĂM 2006

Với chiến lược tăng trưởng thông qua phát triển mạng lưới kênh phân phối tại các thị trường kinh tế trọng điểm, đồng thời để giúp Ngân hàng năng động hơn trong việc tiếp cận khách hàng, trong năm 2006 Ngân hàng TMCP Nam Việt đã nâng tổng số địa điểm giao dịch lên 17 điểm trên toàn quốc. Năm 2007, dự kiến mở rộng tổng số chi nhánh và phòng giao dịch là 70.



KIÊN GIANG

- **Chi nhánh:**
123 Mạc Cửu, P.Vĩnh Thanh, TP.Rạch Giá,
Kiên Giang
Tel: (84.77) 921 188 Fax: (84.77) 921 011
- **Phòng giao dịch số 1:**
45 Cách Mạng Tháng Tám, P.Vĩnh Lợi,
TP.Rạch Giá, Kiên Giang
Tel: (84.77) 865 555 Fax: (84.77) 864 695
- **Phòng giao dịch số 2:**
Ấp Chòm Sao, TT. Hòn Đất, Huyện Hòn Đất,
Kiên Giang
Tel: (08.77) 841 554 Fax: (84.77) 841 937
- **Phòng giao dịch số 3:**
366 Nguyễn Trung Trực, P.Vĩnh Lạc,
TP.Rạch Giá, Kiên Giang
Tel: (84.77) 924 642 Fax: (84.77) 924 633
- **Phòng giao dịch số 4:**
65 Phương Thành, KP.3, P.Bình San,
TX.Hà Tiên, Kiên Giang
Tel: (84.77) 952 772 Fax: (84.77) 952 737
- **Phòng giao dịch số 5:**
36 Tổ 3, Khóm A, TT. Tân Hiệp, H.Tân Hiệp,
Kiên Giang
Tel: (84.77) 727 027 Fax: (84.77) 727 017

HỘI SỞ CHÍNH NGÂN HÀNG TMCP NAM VIỆT

39-41-43 Bến Chương Dương, Q.1, TP.HCM
Tel: (84.8) 8216 216 Fax: (84.8) 9142 738

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Phòng giao dịch số 1:**
305 Nguyễn Văn Trỗi, P.4, Q.Tân Bình, TP.HCM
Tel: (84.8) 9975 947 Fax: (84.8) 9975 936
- **Phòng giao dịch số 2:**
490 Ngô Gia Tự, P.4, Q.10, TP.HCM
Tel: (08.8) 9273 179 Fax: (84.8) 9273 178
- **Phòng giao dịch số 3:**
Lô 9A Đường C, KCN Tân Tạo, Q.Tân Bình, TP.HCM
Tel: (84.8) 7543 145 Fax: (84.8) 7543 146
- **Phòng giao dịch số 4:**
396-398 Đường Ba Tháng Hai, P.12, Q.6, TP.HCM
Tel: (84.8) 8623 977 Fax: (84.8) 8623 976
- **Phòng giao dịch số 5:**
5 Hậu Giang, P.2, Q.6, TP.HCM
Tel: (84.8) 9609 906 Fax: (84.8) 9609 907

HÀ NỘI

- **Chi nhánh:**
300-302 Trần Khát Chân, Q.Hai Bà Trưng, HN
Tel: (84.4) 9724 643 Fax: (84.4) 9724 642
- **Phòng giao dịch số 1:**
151 Tôn Đức Thắng, Q.Đống Đa, HN
Tel: (84.4) 5131 193 Fax: (84.4) 5131 194
- **Phòng giao dịch số 2:**
93 Thái Hà, Q.Đống Đa, HN
Tel: (08.4) 5377 091 Fax: (84.8) 5377 093
- **Phòng giao dịch số 3:**
59-61 Hàng Giấy, P.Đồng Xuân, Q.Hoàn Kiếm, HN
Tel: (84.4) 9284 982 Fax: (84.4) 9284 984
- **Phòng giao dịch số 4:**
31 Thụy Khuê, P.Thụy Khê, Q.Tây Hồ, HN
Tel: (84.4) 7280 864 Fax: (84.4) 7280 865
- **Phòng giao dịch số 5:**
12/580 Trường Chinh, P.Khương Thượng,
Q.Đống Đa, HN
Tel: (84.4) 564 0678 Fax: (84.4) 5640 679

MẠNG LƯỚI GIAO DỊCH HIỆN TẠI CỦA NAVIBANK

HỘI SỞ CHÍNH NGÂN HÀNG TMCP NAM VIỆT
39-41-43 Bến Chương Dương, Q.1, TP.HCM
Tel: (84.8) 8216 216 - Fax: (84.8) 9142 738

KHU VỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PGD số 1: 305 Nguyễn Văn Trỗi, P.4, Q.Tân Bình, TP.HCM Tel /Fax: (84.8) 9975 947 - 9975 936
PGD số 2: 490 Ngõ Gia Tự, P.4, Q.10, TP.HCM Tel /Fax: (84.8) 9273 179 - 9273 178
PGD số 3: Lô 9A Đường C KCN Tân Tạo, Q.Bình Tân, TP.HCM Tel /Fax: (84.8) 7543 145 - 7543 146
PGD số 4: 396-398 Đường 3 tháng 2, P.12, Q.10, TP.HCM Tel /Fax: (84.8) 8623 977 - 8623 976
PGD số 5: 5 Hậu Giang, P.2, Q.6, TP.HCM Tel /Fax: (84.8) 9609 906 - 9609 907
PGD số 6: 22A Phan Đăng Lưu, P.6, Q.Bình Thạnh, TP.HCM Tel /Fax: (84.8) 5512 021 - 5512 022
PGD số 7: 259 Cộng Hòa, P.13, Q.Tân Bình, TP.HCM Tel /Fax: (84.8) 8125 352 - 8125 351
PGD số 8: 175 Khánh Hội, P.3, Q.4, TP.HCM Tel /Fax: (84.8) 9411 554 - 9411 600
PGD số 9: 157A-157B Lê Đại Hành, P.13, Q.11, TP.HCM Tel /Fax: (84.8) 9626 926 - 9626 925
PGD số 10: 152 Cách Mạng Tháng Tám, P.5, Q.Tân Bình Tel /Fax: (84.8) 9934 318 - 9934 347
PGD số 11: 314 Trần Hưng Đạo, P.Nguyễn Cư Trinh, Q.1 Tel /Fax: (84.8) 9207 445 - 9207 447
PGD số 13: 201 Võ Văn Tần, P.5, Q.3, TP.HCM Tel /Fax: (84.8) 8181 545 - 8181 544
PGD số 14: 203 Nguyễn Trãi, P.2, Q.5, TP.HCM Tel /Fax: (84.8) 9240 545 - 9240 544

KHU VỰC HÀ NỘI

Chi nhánh: 300-302 Trần Khát Chân, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội Tel /Fax: (84.4) 9724 643 - 9724 642
PGD số 1: 151 Tôn Đức Thắng, Q.Đống Đa, Hà Nội Tel /Fax: (84.4) 5131 193 - 5131 194
PGD số 2: 93 Thái Hà, Q.Đống Đa, Hà Nội Tel /Fax: (84.4) 5377 091 - 5377 093
PGD số 3: 59-61 Hàng Giấy, P.Đống Xuân, Q.Hoàn Kiếm Tel /Fax: (84.4) 9284 982 - 9284 984
PGD số 4: 31 Thụy Khuê, P.Thụy Khuê, Q.Tây Hồ, Hà Nội Tel /Fax: (84.4) 7280 864 - 7280 865
PGD số 5: 12/580 Trường Chinh, P.Khung Thượng, Q.Đống Đa Tel /Fax: (84.4) 5640 678 - 5640 679
PGD số 6: 41 Bát Đàn, P.Cửa Đông, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội Tel /Fax: (84.4) 9233 258 - 9233 257

KHU VỰC KIÊN GIANG

Chi nhánh: 123 Mac Cửu, P.Vĩnh Thanh, TP.Rạch Giá Tel /Fax: (84.77) 921 188 - 921 011
PGD số 1: 45 Cách Mạng Tháng Tám, P.Vĩnh Lợi, TP.Rạch Giá Tel /Fax: (84.77) 865 555 - 864 695
PGD số 2: Ấp Chòm Sao, TT.Hòn Đất, Huyện Hòn Đất Tel /Fax: (84.77) 841 554 - 841 937
PGD số 3: 366 Nguyễn Trung Trực, P.Vĩnh Lạc, TP.Rach Giá Tel /Fax: (84.77) 924 642 - 924 633
PGD số 4: 65 Phương Thành, KP.3, P.Bình San, TX. Hà Tiên Tel /Fax: (84.77) 952 772 - 952 737
PGD số 5: 36 Tô 3, Khóm A, TT.Tân Hiệp, Huyện Tân Hiệp Tel /Fax: (84.77) 727 027 - 727 017

KHU VỰC ĐÀ NẴNG

Chi nhánh: 441 Lê Duẩn, Q.Thanh Khê, Đà Nẵng Tel /Fax: (84.511) 651 666 - 651 667
PGD số 1: 99 Núi Thành, P.Hòa Thuận Đông, Q.Hải Châu Tel /Fax: (84.511) 631 289 - 631 299
PGD số 2: 46 Hùng Vương, Q.Hải Châu, Đà Nẵng Tel /Fax: (84.511) 827 898 - 892 470
PGD số 3: 46 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, Đà Nẵng Tel /Fax: (84.511) 584 845 - 584 847
PGD số 4: 173A Nguyễn Lương Bằng Q.Liên Chiểu, Đà Nẵng Tel /Fax: (84.511) 842 113 - 842 551

KHU VỰC HUẾ

PGD số 5: 271 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Hòa, TP. Huế Tel /Fax: (84.54) 571 911 - 571 913

KHU VỰC HẢI PHÒNG

Chi nhánh: 18A Lạch Tray, Q.Ngô Quyền, Hải Phòng Tel /Fax: (84.31) 3847 866 - 3847 896
PGD số 1: 413 Ngõ Gia Tự, Q.Hải An, Hải Phòng Tel /Fax: (84.31) 3559 096 - 3559 095
PGD số 2: 88-90 Trần Nguyên Hãn, Q.Lê Chân, Hải Phòng Tel /Fax: (84.31) 3255 658 - 3255 659

KHU VỰC BẮC NINH

PGD số 7: 185 Trần Hưng Đạo, P.Tiến An, TP.Bắc Ninh Tel /Fax: (0241) 893 002 - 893 005

KHU VỰC BÌNH DƯƠNG

PGD số 15: 320-322 Yersin, P.Phú Cường, TX.Thủ Dầu Một, BD Tel /Fax: (84.650) 843 027 - 843 026

KHU VỰC ĐỒNG NAI

PGD số 16: 338 Quốc lộ 1, P.Trung Dũng, TP.Biên Hòa Tel /Fax: (84.61) 3940 149 - 3940 148

KHU VỰC VŨNG TÀU

PGD số 17: 93 Lê Hồng Phong, Bà Rịa, Vũng Tàu. Tel /Fax: (84.64) 574 745 - 574 746

KHU VỰC LONG AN

PGD số 12: 86 Hùng Vương, P.2, TX. Tân An, Long An Tel /Fax: (84.72) 524 218 - 524 217

KHU VỰC CĂN THƠ

Chi nhánh: 318 Đường 30/4, P.Hưng Lợi, Q.Ninh Kiều, Cần Thơ Tel /Fax: (84.71) 781 122 - 781 118

KHU VỰC VĨNH LONG

PGD số 2: 107B Nguyễn Huệ, P.2, TX. Vĩnh Long, Vĩnh Long Tel /Fax : (84.70) 862 411 - 862 412

